

*nhà báo, nhà văn viết truyện
ngắn tiên phong tại Việt Nam*



sổ kỷ niệm độ thất chu niên

tưởng niệm
PHẠM DUY TỒN

tập san VĂN

số 169



Paris * 03.2025

Bìa: chân dung Phạm Duy Tồn
Mẫu bìa: Văn Thanh
Nguồn: Thư viện Tiểu Lùn

tập san VĂN **số 169**

Tập san Văn * Năm thứ tám
Số 169 ra ngày 01-01-1971

Độc trong số này

*** TƯỢNG NIỆM PHẠM DUY TỒN**

- | | |
|--|----|
| 1. Thủ bút của
Phạm Duy Tồn (thư gửi con) | 11 |
| 2. Phạm Duy
Viết về bố | 12 |
| 3. Vũ Bằng
Nói chuyện với Phạm Duy về Phạm
Duy Tồn | 28 |
| 4. Tập san Văn
Lục chồng báo cũ – Chân dung Phạm
Duy Tồn | 55 |

5. Vũ Bằng 86
Phạm Duy Tồn - Bạc đàn anh trong lối
văn hài hước
6. Tập san Văn 117
Sao lục các bài phê bình – Phạm Duy
Tồn nhìn bởi...
7. Thiên Tướng 136
“Tiểu lâm quảng ký” của Thọ An
8. Phạm Duy Tồn 165
Ba truyện ngắn tiêu biểu



Tòa soạn và Trị sự : 38, Phạm
Ngũ Lão, Saigon. Đ.T.: 23.595

Tập san xuất bản do nghị định số 64/
BTT/NĐ, ngày 4/12/1963

* Chi phiếu đề tên ông Nguyễn Đình
Vượng (chủ nhiệm kiêm chủ bút)

* Thư từ, bản thảo, đề tên ông Trần
Phong Giao (thư ký tòa soạn)

* Giao thiệp trực tiếp : ông Gia Tuấn
(phụ tá thư ký tòa soạn)

* In tại nhà in riêng của báo VĂN.

* Quản lý : Cô Nguyễn thị Tuấn.

Khíêm đi,

Câu cho em mẽ-day đây này. Còn lá c
thi cho thườn. Baw yền ba em và hôn
ba em.

Đuy Tồn

Câu nhieu nết và bân lăm.

Bongin a M. Khim,
a Go diem et baisers a Tin

Thư-sét của PHẠM DUY TỒN (THƯ GỬI CON)

PHẠM DUY

Viết về bố...

Tôi mồ côi cha từ khi mới lên hai ! Tôi không có một chút kỷ niệm sống nào với bố cả, ngoại trừ vài tấm bưu ảnh mà bố tôi gửi về cho anh em tôi khi cụ đi dự Đấu xảo Marseille... Đối với tôi, người cha đã thật là xa lạ ; khi còn bé, vì phép tắc gia đình, không bao giờ tôi được nhắc đến tổ tiên, dòng họ và những người quá cố ; lớn lên, đi giang hồ rồi đi kháng chiến, mẹ chết đi là thôi, không bao giờ tôi được biết tận tường về bố tôi cả !

Nhưng có một hôm, lục trong mớ giấy tờ hộ tịch, tìm thấy tờ giấy khai tử của bố tôi, tôi bỗng thương ông vô cùng ! Tờ trích lục khai tử đó ghi :

– Ngày và nơi chết : 25 tháng 2 năm 1924, 6 giờ 20 ; 54 Phố Felloneau (Hàng Dầu) Hà-nội

– Tên và họ người chết : Phạm Duy Tốn

– Tuổi và nghề nghiệp : 43 tuổi, ký giả

– Chỗ ở của người chết : 54 Phố Felloneau Hà-nội

– Là chồng của : Nguyễn thị Hoà

– Ngày sinh của người chết : 1881

– Nơi sinh của người chết : 54 Phố Felloneau Hà-nội

– Tên bố của người chết : Phạm Duy Đạt (chết)

– Tên mẹ của người chết : Nguyễn thị Huệ

vân vân...

Tôi giật mình vì thấy bố tôi chết quá sớm : 43 tuổi ! Nghĩa là tính ra cụ chỉ có khoảng 20 năm để sống, để yêu, để làm, để thành công, để thất bại... Và tôi bắt đầu hỏi tra về cha tôi, hỏi các anh chị, tra các sách báo, để biết thêm về tác giả bài “Sống Chết Mặc Bay”, đồng thời cũng là tác giả đời mình !

★

Khi còn nhỏ, tôi thường nghe người ta gọi gia đình tôi là gia đình cụ Thiên.

Tôi cứ tưởng đó là tên ông nội tôi, nhưng về sau thì biết Thiên là Thiên hộ (chef de quartier) một chức vụ của ông nội tôi khi làm trưởng một khu phố Hà-nội trước hồi Pháp thuộc. Cụ Thiên hộ có hai người con, một gái, một trai. Bố tôi là con trai độc nhất ; chị của bố tôi (chúng tôi gọi là Cô) thì lấy một vị An sát ở Bắc-ninh.

Gia đình tôi khi xưa làm nghề buôn bán dầu (trong nhà có chôn rất nhiều chum lớn để đựng dầu) như hầu hết các gia đình khác ở cái phố hàng Dầu này. Và chắc bố tôi cũng được lớn lên trong một hoàn cảnh dễ chịu, không bị thôi thúc vì đồng tiền. Sinh vào năm 1881 là lúc nước nhà vừa bị mất trong tay thực dân, khi trưởng thành chắc chắn bố tôi cũng phải đấu tranh ghê gớm để quyết định làm những người cuối cùng của Nho học

hay chọn Tây học để làm những người đầu tiên của một phong trào mới...

Và như ta đã thấy, cùng với các cu Trần Trọng Kim, Nguyễn Văn Vĩnh, Đỗ Thận vân vân... bố tôi đã đi học ở trường Thông ngôn Hà nội (Quai de Commerce) vào những ngày cuối cùng của thế kỷ cũ....

Tốt nghiệp rồi, bố tôi được bố đi làm tại tòa Sứ ở Ninh-bình, nhưng không biết vì lý do gì mà bố tôi lại thôi việc và trở về với các nghề tự do khác. Hỏi một vài người trong họ thì họ bảo rằng bố tôi chống Pháp, nhưng tôi đoán có lẽ lý do giản dị hơn : cụ là người thích bay nhảy !

✱

Người gầy gầy, cao, mặt hơi rỗ, tính tình vui vẻ, hay nói đùa, hút thuốc lá nặng, không biết nhạc, không nghe nhạc... Đó là một vài nét về bố tôi qua vài người đã biết cụ và đang còn sống. Bố tôi lấy mẹ tôi là con một cụ đồ ở phố hàng Gai. (một người có công trong việc sưu tập văn học dân gian : Ôn-Như Nguyễn Văn Ngọc - chị của mẹ tôi lấy ông Ôn Như Nguyễn Văn Ngọc). Theo lời mẹ tôi nói trong lúc răn dạy tôi khi còn bé thì bố tôi là một người rất đam mê, nhưng chóng chán. Làm đủ mọi việc nhưng không bao giờ làm hết một việc. Tính tình đó đã cắt nghĩa sự hành nghề lung tung của bố tôi trong một quãng đời ngắn ngủi...

*

Thôi làm ở Tòa Sứ ra, bố tôi đi dạy học ở trường Trí Tri phố hàng Quạt Hà-nội. Đáng lẽ cụ phải thành công trong nghề dạy học, vì lúc đó các cụ là người đầu tiên biết Quốc ngữ và Pháp ngữ. Tại sao cụ lại bỏ nghề đó để đi mở một tiệm cao lâu ở phố Cầu Gỗ ? Người anh họ tôi nói rằng cụ là người háo thắng. Tiệm cao lâu của cụ là tiệm cao lâu đầu tiên của người Việt Nam. Nghề mở tiệm ăn lúc đó nằm trong tay Hoa kiều. Dám cạnh tranh với họ là một sự can đảm. Nhưng cạnh tranh không nổi thì mang nợ vào thân vì tiệm phải đóng cửa và bố tôi phải tìm một nghề khác...

Bố tôi không biết lấy tiền ở đâu để đứng ra mở một tiệm vàng lấy tên là Nam Bảo ? Chắc lại đi vay ! Tôi vẫn còn nhớ suốt đời mẹ tôi là phải làm để trả nợ cũ của chồng hơn là để nuôi con ăn học!

Tiệm vàng thất bại, bố tôi không tính đến chuyện gây cơ sở nữa và bắt đầu một cuộc đời lưu động...

Cụ cùng với một số bạn bè đi tìm mỏ ở Quảng-yên. Tìm mỏ lúc đó không phải mất công nghiên cứu thử thách địa chất như bây giờ. Hình như công việc tìm mỏ của cụ lúc đó chỉ là đi tìm những đất hoang rồi quây périmètre và xin chính phủ khai thác. Sau đó khai thác hay không là tùy ý. Và nghe đâu cụ bán những miếng đất đó cho họ De Monpezat....

Nhưng việc tìm mỏ chắc không đem lại cho bố tôi những thích thú về tiền bạc hay tinh thần. Sau khi bị thất bại liên tục trên mọi phương tiện sinh kế, cụ được một người bạn Pháp giúp đỡ bằng cách cho vào làm việc nhà băng. Cụ được gửi đi làm tại chi nhánh của Banque d'Indochine ở Mông-tự (bên Tàu). Cụ ở đó

cũng không lâu, rồi lại bỏ việc trở về và đến lúc này thì hình như cụ đã quyết định làm một nghề mà xưa nay cụ chỉ coi như nghề phụ : viết văn, viết báo !

✱

Là người đồng lứa với các cụ Phạm Quỳnh, Trần Trọng Kim, Bùi Kỷ vân vân... bố tôi không thể không dính líu đến các hoạt động của các bạn. Ít nhất thì cũng phải gặp nhau luôn, sinh hoạt với nhau (ăn uống, đi nghe hát ả đào...) rồi dính líu với nhau luôn về công việc.

Vô hình chung các cụ ngày xưa đã tổ chức thành một thứ văn đoàn và dù không sinh hoạt chặt chẽ với nhau nhưng vẫn có ràng buộc tinh thần với nhau để tạo thành một phong trào văn

học mới. Bố tôi viết cho Nam Phong, Đông Dương Tạp chí (bút hiệu Ưu Thời Mẫn) ngay từ khi chưa thành một ký giả hay văn sĩ thực thụ. Sau này, khi đã quyết định làm nghề báo, cụ vào ở hẳn trong Nam để viết cho các báo Nông Cổ Mín Đàm (bút hiệu Đông Phương Sóc), Thực Nghiệp... Trong thời gian này, cụ làm được một việc đáng kể là dùng báo chí để cổ động cho phong trào cứu trợ nạn lụt ở miền Bắc. Ngoài ra cụ cũng có viết cho tờ Đăng Cổ Tùng Báo ở Huế...

Qua những bài báo, những truyện ngắn, nhất là qua tập tuyển Tiểu Lâm Quảng Ký (bút hiệu Thọ-An) tôi thấy bố tôi quả là một người có đầu óc phê bình xã hội, một người sống trong một cái xã hội mà mình không chấp nhận hoặc không nhập thể được ! Đời sống làm ăn của cụ đã chứng minh điều đó : cụ không thể

nào thành công trong một cái xã hội mà cụ thực tâm khước từ. Cuối cùng chỉ biết dùng cây viết để nói vào cái xã hội mà mình đang sống. Đọc những bài “Sống Chết Mặc Bay”, “May Cho Ta”... ta thấy cụ chống quan liêu, xỏ thực dân, nhưng khi đọc “Tiểu lâm” ta thấy cụ giấu đủ mọi hạng người : lang băm, sư hổ mang, gian thương, cường quyền... Người ta có thể cho rằng bố tôi chỉ làm một việc sưu tập những chuyện cười của dân chúng, nhưng tôi có thể tin rằng cụ cũng đã bịa ra nhiều chuyện rất độc đáo. Bài thơ nói về cốc uống trà tàu chắc chắn phải đi từ trong tim óc của cụ chứ không hẳn phải từ dân chúng vô danh !

Nhưng dù sưu tập, phóng tác hay sáng tác chuyện tiểu lâm, bố tôi, với bút hiệu Thọ An, cũng đã để lại cho chúng ta ba tập truyện khôi hài rất lý thú. Tôi

có cái may mắn là hồi còn bé được đọc những bản thảo của nhiều truyện tiểu lâm mà tôi không thấy được in ra sau này. Chẳng hạn truyện “Chồng Mù Vợ Điếc” kể chuyện hai vợ chồng gặp một đám rước. Chồng thì bảo rằng đám rước là cái đám kêu “tùng bi li bi li” còn vợ thì cứ nhất định cãi rằng đám rước không kêu mà chỉ có cờ đỏ tán xanh... Hay là truyện “Ông Không Mồm”, chuyện của một ông nọ có râu xồm bị tụi trẻ con phê phán là không có mồm ! Ông tức quá, vén râu xồm lên và bảo tụi trẻ con : “Mồm hay là l... mẹ chúng mày đây ?”

Những truyện như “Lạy Cù Đề”, “Con Mắt Dọc”, “Thầy Đề Liếm Dĩa”, thì chĩa mũi dùi vào các loại “thầy” : thầy đề, thầy lang, thầy đồ. Cười đùa các vị đại diện tôn giáo thì có truyện “Thi Làm Sư” : nhiều vị sư được mời tham gia cuộc tỉ

thí khá ly kỳ. Mỗi vị sư phải ngồi lên một cái trống để thưởng ngoạn một cảnh khiêu khích của mỹ nữ. Vị nào không kiềm chế được mình thì tự nhiên trống bị khua vang. Khi tất cả mọi vị đều khua trống và chỉ có một vị im tiếng thì mọi người đều thán phục và định tôn vị đó làm sư trưởng. Nhưng khi ngài đứng dậy thì té ra cái trống đã bị đánh một cú mạnh đến nỗi trống thùng ngay và câm tiếng luôn. Truyện “Đẻ Ra Sư” thì ghê gớm hơn : một chị mò cua bị cua cắn vào bẹn. Một vị sư thương tình muốn cứu nhưng sợ uestạp nên không dùng tay mà dùng răng để gỡ caa. Ai ngờ của cắn luôn sư, và mọi người chạy ra hô to : đẻ ra sư ! đẻ ra sư !!!

Chống quan liêu thì ngoài truyện “Bẩm Quan Lớn Ngài Minh Lắm” kể chuyện cái tắm lông vọi hay lông l... bà Huyện, còn có chuyện quan Huyện hỏi

vận anh lính “nâng bi” rằng tại sao lại biết quan bà sẽ đẻ ra phượng hoàng ? Anh lính bên quả quyết : Con biết lắm chứ, hôm qua khi bà ngồi tắm, con thấy cái mỏ phượng hoàng nó thò ra !!!

Nói tóm lại, văn nghiệp của bố tôi khi đó, dưới thời Bảo hộ của Pháp và dưới quyền của một thứ chế độ mới, giai cấp mới đã là một cách phê phán, đã kích, chế giễu xã hội !

✱

Thế rồi vào những năm cuối cùng của đời cụ, cụ được cử vào làm Hội viên của Hội đồng Thành phố Hà-nội. Cụ được đi dự Đấu xảo ở Marseille. Ra đi hồi tháng tư 1922, cụ sống chuyến viễn du này trong vòng nửa năm để rồi trở về

nước với bệnh lao phổi và chết đi vào hồi tháng hai 1924.

✱

Gần năm mươi năm sau, bây giờ tôi mới có dịp ngồi viết về bố. Tôi thương bố tôi quá ! Cụ chết sớm quá ! Phải chỉ cụ còn sống thêm nhiều năm nữa, chắc cụ sẽ còn cho ta đọc nhiều truyện “Sống Chết Mặc Bay” tận thời và nhiều truyện “Tiểu lâm kinh” khủng hơn...

PHẠM DUY

ĐÃ PHÁT HÀNH :

SAU GIỜ GIỚI NGHIỆM

truyện dài của MAI-THẢO

Khai Phóng xuất bản

VŨ BẰNG

Nói chuyện với Phạm Duy về Phạm Duy Tồn

Nhạc sĩ Phạm Duy có vẻ không bằng lòng. Sau khi đọc xong bài nói về “các cây cưỡi tiên chiến”, anh đã tìm tôi và nói :

– Tôi nói để anh biết là tôi không bằng lòng một chút nào. Từ trước đến nay, tôi tưởng chỉ còn có ba anh em tôi là Phạm Duy Khiêm, Phạm Duy Nhuận và tôi biết ba cuốn “Tiểu lâm Quảng ký”

ký tên Thọ-An là tác phẩm của ông Phạm Duy Tồn, thân phụ chúng tôi. Nay anh lại tiết lộ chuyện ấy ra, thành ra chúng tôi đã mất hẳn một cái “bí mật thú vị”, do đó nhiều người được biết.

– Nhiều người biết thì không còn là bí mật nữa. Sự việc ấy đi vào văn học sử, lại càng là chuyện hay, chớ có làm sao đâu ?

Phạm Duy cười ha hả, vỗ vai tôi bảo:

– Vậy hả ? Thế thì tôi thấy cần phải kể cho anh thêm vài chuyện nữa liên quan đến ông bố tôi, tùy ý anh muốn sử dụng thế nào thì sử dụng. Theo đúng lẽ ra, ông cụ tôi mất đi, bốn phận chúng tôi là con, phải ghi lại những điều mình biết để làm tài liệu sau này, nhưng chúng tôi có một cái lỗi lầm lớn là cho đến ngày nay vẫn chưa có người nào viết cả, kể từ

ông Khiêm đến kẻ giang hồ này là Phạm Duy. Nay, anh viết về ông cụ tôi, tôi thấy cần phải tìm anh nói chuyện xả hơi, nhân đó tôi có dịp sống lại những giờ phút êm đềm đã trôi qua, khi còn đông đủ bố mẹ, anh em chị em trong gia đình.

Thọ An là ai ? Thọ An là bố mày đấy!

Phạm Duy trầm ngâm nói :

– Thú thực với anh, thoát đầu tôi không biết Thọ An là ai cả. Mà tôi cũng không đọc “Tiểu lâm Quảng ký” do nhà Ích Ký ở phố Hàng Giấy xuất bản.

Một hôm, nhân lúc buồn tình, tôi tò mò lên gác lục bàn viết ra xem thì thấy một tập bản thảo chữ viết ngoằn ngoèo. Tôi đọc một hơi. Rồi tôi xuống hỏi bà cụ đẻ ra tôi :

– Ở trên bàn cũ của thầy, có một tập chuyện gì nhảm nhí, tục tĩu quá, ký tên là Thọ-An. Chẳng biết Thọ-An là ông nào mà viết bậy viết bạ quá. Không thể nào chịu được.

Mẹ tôi cười và bảo :

– Thọ-An là bố mày đấy chứ ai !

Từ đó, tôi mới biết bố tôi là Thọ-An và cũng từ đấy tôi biết thêm rằng dưới nét mặt trang nghiêm, bố tôi là một ông vua tục tĩu, đối với con cái thì lăm lăm lì lì nhưng ra ngoài với bạn hữu thì quấy không chịu nổi.

Ông Phạm Duy Tốn,

**một trong những người Việt đi
Pháp đầu tiên**

Phạm Duy vừa uống nước vừa kể

lại cho tôi nghe những mảnh đời của cụ Phạm Duy Tồn như sau:

“Ông nội tôi là một ông chánh tổng, làm bạn với bà tôi là một người ả đầu cũ kỹ nổi tiếng hát hay một thời. Ông nội tôi lấy cụ chắc cũng vì cảm tiếng hát và tiếng xênh tiếng phách, Hai cụ lấy nhau thì cụ bà bỏ nghề hát về bán dầu. Bây giờ tôi còn nhớ khi tôi còn bé, nhà tôi đầy nhóc những chum đựng dầu kê chặt cả lối đi, dầu bán cho khách hàng đổ lênh láng ra ngoài nên đất lúc nào cũng nhám chân, ẩm thấp. Đến thày tôi làm bạn với mẹ tôi là con một ông đồ người phố hàng Gai, Chị của mẹ tôi lấy ông Ôn Như Nguyễn Văn Ngọc, tác giả nhiều cuốn sách nổi tiếng như “Cổ tích Việt Nam”, “Hát cô đầu”, “Câu đối”, “Tục ngữ phong dao”...

Thầy tôi, thoát đầu học chữ Nho sau cùng với các cụ Nguyễn Văn Vĩnh, Phạm

Quỳnh, Trần Trọng Kim vào học trường Thông ngôn.

Sau đó, cụ đặc cử hội viên thành phố, năm 1922, đi Pháp dự “Hội chợ triển lãm quốc tế” cùng với các cụ Nguyễn Văn Vĩnh, Phạm Quỳnh, Vũ Huy Quang. Ở Pháp về năm 1923 và mất năm bốn mươi ba tuổi ở Hà-nội tại căn nhà số 54 đường Lò Sũ (Fellonneau) vì bệnh lao,

Trong suốt cả một cuộc đời, bố tôi không nghiện gì hết, nhưng lúc bắt đầu biết là mắc bệnh lao, cụ có hút thuốc phiện. Cụ sống không cầu kỳ lắm : lúc chưa làm Hội đồng Thành phố Bắc kỳ, cụ có cộng tác với nhiều báo, trong số tôi nhớ hai tờ là “Lục tỉnh Tân-văn” và “Nông-cổ Mìn-đàm”. Đến khi ra Hà-nội, cụ sống tự do bằng đủ các nghề lương thiện : viết sách, mở hiệu vàng, mở cao lầu, quán giải khát... Nghề nào cũng nuôi

sống tạm con người, nhưng theo chỗ biết của riêng tôi thì quả tôi không thấy cụ phàn nàn bao giờ cả. Cụ nghiêm khắc nhưng thường thường vui tính, yêu vợ, thương con hết sức.

Lúc cụ mất, có để lại cho mẹ tôi năm người con: ông Phạm Duy Khiêm hiện giờ ở Pháp, Phạm Duy Nhuận mất vì chứng ung thư gần đây, làm đủ các nghề như bố tôi nhưng không ăn thua gì cả : nhạc, kịch, dịch Anh, dịch Pháp, sáng tác, làm thợ may cho vợ, vá quần vá áo cho con, xách nước từ dưới nhà lên trên lầu, chữa xe đạp, dạy học... rồi chết, để lại một vợ đại với một đàn con nheo nhóc. Thấy thế, tôi là thằng em thứ ba tìm một con đường đi khác là chẳng làm gì cả, tối ngày chỉ rong chơi và phục vụ hai ông thần ở hai vai : thần Gái và thần Tiền, vì

tôi nghĩ rằng sống như thế mới thực tế, mới thật là sống vậy.

Ngoài ba anh em trai ra, tôi còn hai người chị gái : một người lấy ông Đinh Mạnh Triết, hiện giờ ở Pháp và một người cùng chồng ở lại Hà-nội, tại đường Chu Mạnh Trinh.

Mẹ tôi mất năm 1950. Ngồi mà tính sổ lại thì cả một đời cụ chỉ lo trả nợ cho chồng – một người chồng có nhiều sáng kiến, làm gì cũng được, nhưng theo ý riêng tôi thì không thích hợp với thời đại chút nào.

Được một cái là sống với chồng như thế, bà cụ tôi lần lần cũng quen đi, và không thấy có gì là khổ quá. Sở dĩ một phần như thế cũng là vì ông cụ tôi khéo... nịnh đầm. Muốn la cà với anh em thế nào thì la cà, ở xa xôi, ông cụ tôi vẫn

chăm chỉ viết thư về cho cụ bà và gửi đều tiền nong về cho các con...

Đây là một bức thư lúc cụ làm ở “Lục tỉnh Tân-văn” gửi về cho cụ bà ở Hà-nội:

“Kỳ thư này không có tin gì ở nhà vào cho tôi cả. Ý hẩn ngoài ta lặt cho nên lỡ kỳ thư, thì lại đến kỳ sau tôi sẽ được hai thư làm một hẩn, Song le tôi lấy làm nóng ruột quá, bởi vì không biết mẹ đã khỏi hay chưa và để với ba em có được mạnh khỏe hay không. Ngồi mà đợi cứ ngót hai mươi ngày mới lại có tin nhà thì tài gì mà chẳng nóng ruột. Giả thử kỳ tàu nào cũng có thư vào, thì tuần lễ nào cũng có tin, cũng đỡ nhớ mong. Nhưng mà càng lâu thì đến lúc được tin lại càng thích...”

Đây là một đoạn viết cho con trai lớn là Phạm Duy Khiêm, cũng vào thời kỳ đó :

“Khiêm ơi,

Cậu cho em mê đay đay này. Còn lá cờ thì cho Thuận. Cậu yêu ba em và hôn ba em. Cậu nhiều việc và bận lắm.”

Một bức thư (hay là một tùy bút)

chưa hề đăng báo bao giờ của Phạm Duy Tồn

Bây giờ nhắc đến Phạm Duy Tồn, người ta chỉ nhớ có hai bài : “Sống chết mặc bay” và “May cho ta” đăng ở “Đông dương Tạp chí”.

Cụ Tồn giúp việc nhiều báo ở trong Nam như “Lục-tỉnh Tân-văn” và “Nông-

cổ Mìn-đàm” nhưng tiếc rằng lúc ấy cụ đứng vào cương vị người viết báo như cổ động đồng bào lạc quyền nước lụt năm 1915 nên không để lại mấy bài văn có ký tên thực. Chúng có là bức thư sau đây viết ngày 28-8-1915 cho cụ Trần Trọng Kim (bằng chữ Pháp xen vào chữ Việt) :

“Kim thân mến,

Nhờ toi xuống dưới bureau mà bảo trước họ cho moi rằng :

Tháng này ở trong này moi chỉ lĩnh có 30\$. Còn ở ngoài ấy lĩnh cho moi 90\$ (trả bureau 10\$ sur mes avances) còn 80\$ thì đem về mà trang trải. (Et cela jusqu'à épuisement de l'avance de 60\$ c'est-à-dire il y aura encore 3 versements après celui du 10-9.)

Ở trong này may có lẽ cái campagne

en faveur des Inondés sẽ donner de bons résultats. Toi cứ coi như nhật trình Lục-tĩnh Tân-văn thì đủ rõ. Mới bắt đầu đã có vài người gửi lại được hơn 10\$ rồi. Tôi bảo Vĩnh¹ ở ngoài ấy cũng nên nói một chút đỉnh, cho họ ganh nhau. Kỳ báo sau, moi sẽ đăng tên họ vào, thì ắt là họ sẽ đua nhau, có lẽ được nhiều tiền. Oh! que je serai content !”

Vậy là cái tài của Phạm Duy Tồn phí phạm khá nhiều vào trong báo chí hàng ngày, cho nên văn của Phạm Duy Tồn để lại tương đối ít.

Một sự tình cờ mới đây khiến cho ông Phạm Duy Khiêm (hiện ở Pháp) kiểm điểm lại tài liệu của cụ Phạm Duy Tồn đã cho ông tìm thấy một bức thư và ông Khiêm vừa gửi thư ấy cho Phạm Duy Cẩn (tức nhạc sĩ Phạm Duy) chép

¹ Tức là Nguyễn Văn Vĩnh

lại ở đây để giữ làm tài liệu.

Thư ấy là một cái truyện – muốn gọi là tùy bút cũng được xin sao lại dưới đây với tính cách là một bài văn độc đáo chưa hề in bao giờ.

Chính bài văn ấy là một bức thư viết về cho vợ, viết trên một chiếc tàu vượt trùng dương sang Pháp lúc cụ đi dự cuộc Hội chợ triển lãm quốc tế :

Ở bể, 31-Mars, 1922 (mùng bốn, 8 giờ tối)

Tàu nhỏ neo đi sáng hôm nay, lúc bốn giờ. Trời ời ! Mấy hôm ở Saigon nóng quá, chỉ mong cho mau cút, kéo bức mà ốm người. Khi tàu ra bể khơi, hô hấp được không khí mát mẻ, nhẹ cả người.

Tuy vậy mà vẫn nắng gắt và nóng lắm,

nhưng chỉ được cái rằng lên trên boong
ngồi thì dễ chịu, chứ mà ở dưới phòng
ngủ thì như nằm trong một cái hầm. Vậy
mà từ đây sắp đi là rất ròng nóng cả.

Bể yên lặng, phẳng như tờ, không
có một gợn sóng. Mênh mông nước trời
một màu xanh ngắt, tàu lừ lừ đi trên mặt
bể, lảng lảng như đi trên hồ vậy. Nhất là
về chiều, khi mặt trời sắp lặn, trông ánh
đỏ hồng hồng chiếu xuống nước, thật là
ngoạn mục.

Đến chừng năm giờ chiều, thì tàu đi
qua đảo Côn-lôn: xa xa thấy dãy núi hòn
lớn hòn nhỏ, sức nhớ đến nơi này là nơi
đức Gia Long ngày xưa chạy loạn ra ẩn ở
đây trong mấy năm điên bái lư ly, biết
bao nhiêu nông nổi hiểm nghèo !... Lại
nghĩ đến những kẻ văn thân vì tấm lòng
nhiệt huyết khảng khái không chịu phục
tòng mà nay phải đẩy đoạ ra ở nơi này,

ân chung ở lộn với lũ côn đồ du thủ du thực, phát văng ở đây...

Ở trên tàu đông người lắm, có vẻ sầm uất : từ Saigon lại chở thêm nhiều hành khách. Song le tôi vốn vẫn không thích sự ồn ào, cho nên lấy làm khó chịu ; cả ngày, trừ khi ăn lúc ngủ, còn là vất lên boong tìm chỗ vắng đứng một mình, tĩnh mịch mà ngẫm nghĩ sự đời. Song cái bọn họ đi với mình quấy tốn ; trốn lẫn cũng không được với họ, họ cứ lại gần nói chuyện, mà chuyện thì tầm thường chẳng có thú vị chi hết cả.

Nhất là cái con mẹ Laumônier, trông như con khỉ già, mà lại làm bộ trẻ với cái anh cu Tiệp. Hai đứa trông thật dơ, mà thật thối : thằng nọ nịnh của, con kia lại càng làm bộ nũng nịu, thật là khó chịu !

Mà chúng nó nói cười càng thêm

ghét. Khổ cho mình quá, ngày hai buổi phải ngồi ăn với chúng nó, bằng phải tội nặng. Sao mà tôi ghét thế ! Thằng thì làm bộ vác mặt lên, ra điều cái gì ta cũng biết : kỳ chung dốt đặc cán mai, con thì the the, ỏn ẻn, ra dáng mỉ miếu ái ố, tự chung đen như củ tam thất mà xấu như con khếch già...

Ông Kock bảo tôi rằng : của đó đem sang Marseille đấu xảo được hạng nhất, mà rồi người Tây sẽ lấy đó khen rằng đàn bà Annam đẹp lắm !

Câu nói hữu tình thay !

Cu Bảng thì cũng dốt, nhưng mà hăn dễ dãi, ít làm bộ, mà lại tử tế hơn cái thằng kia !

Tàu này chạy mau, có lẽ sáng ngày kia (mùng 6 ta) sẽ tới Singapore (6 giờ

sáng). Tàu đỗ mấy giờ, rồi lại đi ngay.

Khi tôi ở Saigon, người Bắc Kỳ đón đưa rất là trung hậu. Ba giờ sáng, tàu sắp nhổ neo, mà họ cũng kéo nhau lũ lượt ra tiễn. Còn người Nam Kỳ (như ông Bùi Quang Chiêu, Trương Văn Bến, vân vân, (cũng có mời ăn tiệc, nhưng tôi nhất định từ chối.

Trước khi ở Saigon đi, tôi có gửi cái danh thiếp và cái thư của Bảng để mợ lên hiệu Quảng Hưng Long, mà nhận lấy một trăm bạc về giả nốt 20\$ tiền nhà và giả bớt Gô-Đa mấy chục. Hễ thế nào, rồi viết nói cho tôi hay.

Đến Singapore, tôi sẽ gửi cartes postales về chào Đẻ và cho cả Khiêm, Thuận, Tý, Thiệu nữa.

... Ngồi tàu nóng ruột quá, còn những

hai mươi năm ngày nữa mới tới Tây, thật lấy làm lâu. Thỉnh thoảng lúc tỉnh mịch, cũng nhớ nhà, nhưng mà lại khuấy ngay. Và lần lần nó cũng quen, chẳng mấy lâu tới Pháp, lại chẳng mấy lâu mà lại trở về nhà.

Mùng 1-4 (tức mừng năm ta, 5 giờ chiều)

Nóng quá. Bây giờ mát mới lên ngồi viết được.

Thế nào ? Tết mừng 3, bánh trôi chay có để dành cho mỗ không ?

Mỗ có lời hỏi thăm tất cả các bà con.

Chú Nhượng và chú Cẩn có ngoan không ? Các chú làm những trò gì ? Cô Thuận và cô Tý có ngoan chẳng ? Nói

chuyện họ cho tôi nghe.

Sớm mai chừng 6 giờ, sẽ tới Singapore, nhưng muốn chừng tàu đi ngay. Vậy nếu không kịp lên bộ, thì tôi bỏ thư này ở dưới tàu, mà không mua được cartes postales gửi cho con.

Sáng hôm nay, Đỗ Dũng biết tôi cũng đi tàu này, cố ý đi kiếm tôi cho được. Tôi đang ngồi nói chuyện với một người Tây, thì va lại, rồi ngồi nói chuyện mãi với tôi, có đưa tôi lại chào người vợ, người này con nhà giàu nứt đố, biết tiếng Anh, tiếng Pháp, có đi học ở Hương-cảng, nay sang Pháp du lịch. Cậu Dũng là anh chuột sa vào chĩnh gạo. Thôi, cũng mừng cho anh được chỗ nhiều của mà tiêu sài cho sướng cái thân.

Thế là đi được một tuần lễ tròn rồi.

Tàu này đi mau : từ Hải phòng đến Saigon đúng 60 giờ (đi thẳng, không ghé Quảng-nam), ở Saigon nghỉ 60 giờ.

Từ Saigon đến Singapore chừng 48 giờ. Cả bảy, bảy ngày và một ngày ở Hải-phòng. Thế là gói ghém tám ngày rồi.

Mau quá ! Tôi cứ tưởng ở Hà-nội đi hôm qua...

Bể đẹp quá, phẳng lì, như một tấm thảm xanh. Mặt trời chiếu xuống long lanh như kim cương vậy. Tôi chỉ ăn cả ngày, thuốc tể vẫn còn bỏ đó, chưa dùng đến. Người xem chừng khoẻ mạnh. Trán và má đã thấy hơi bóng nhoáng...

Chữ tài, chữ tai

Kiểm điểm và suy cứu những tài liệu

của Phạm Duy trao cho, tôi thấy rằng Phạm Duy Tồn có nhiều chất “làm báo” hơn là “văn sĩ”. Những bài như “Sống chết mặc bay”, “May cho ta”, “Ở bề” và ngay cả những truyện viết trong ba tập “Tiểu lâm Quảng ký”, đều là những bài có tính cách báo hơn văn.

Một bức thư viết tại Hà nội, ngày 23 tháng 5 d.1. 1906, của một người bạn Pháp tông sự tại Ngân hàng Đông dương tên là Guiton gửi cho cụ Nguyễn Văn Vĩnh chứng tỏ sự kiện trên, đồng thời, cho ta thấy đời Phạm Duy Tồn không sung sướng về nghề báo (cũng như nghề văn).

Thư này viết bằng chữ Pháp, gửi cho Nguyễn Văn Vĩnh, nói về Phạm Duy Tồn. Chúng tôi xin dịch những đoạn chính yếu dưới đây :

“Vĩnh thân mến,

...Bạn Tồn của chúng ta thật đáng buồn. Chung quanh anh ấy, toàn là những người không hiểu nổi anh. Điều đáng buồn hơn là họ lại không có thiện ý tìm hiểu anh, có khi trái lại là khác. Tôi đã cố gắng nâng cao tinh thần của anh lên, nhưng chính tôi cũng đã có nhiều mối lo buồn (mà những điều lo buồn này không phải không quan trọng, thành thử hai đứa chúng tôi rất thấm sâu.)

Những người không chịu hòa mình vào đám thế nhân tầm thường, đám thế nhân vô tình, đi theo con đường đã vạch sẵn từ trước và không có cá tính thường vẫn gặp nghịch cảnh như vậy đó. Thành ra họ thất vọng, quạu cọ, bất mãn, những người ở chung quanh cần phải nâng đỡ họ, giúp đỡ họ, yêu thương họ ở bất cứ

nước nào cũng vậy, tại sao ở nước Annam lại khác ?

Nhưng ở giữa sự thất vọng mà Tồn và tôi đang đắm chìm, có một điều dầu sao cũng đánh thức lòng thiết tha của tôi : đó là vấn đề nhân đạo, đó là vấn đề công bình xã hội loài người – bởi vì tôi không tin tưởng nơi công bình ở trên thiên đường.

Và Tồn nhiều lần nói với tôi về những dự án mà anh hằng ấp ủ. Hôm nay tôi xin đề cập đến một dự án đó vì tôi nghĩ rằng có thể thực hiện được.

Một tờ nhật báo, cho người Annam. Không phải một thứ báo như “Đại Việt tân báo”, đã đành như thế, nhưng là một tờ báo tự do hoàn toàn không bị ràng buộc gì về chánh trị hành chánh, một tờ báo tự lực cánh sinh, một tờ báo độc lập do người Annam viết, nhưng có một chủ

nhệm Pháp bảo trợ để “chơi lại” tờ “Avenir du Tonkin”.

Đồng thời, ta có thể cho xuất bản những sách phiên dịch và nhiều thứ khác nữa. Tôi đã đề nghị với anh Tồn một kế hoạch rộng rãi mà theo ý tôi có thể làm cho công cuộc của chúng ta mỗi ngày mỗi lớn mạnh hơn, phần thịnh hơn.

Tôi có một ít bạn bè có thể tiếp tay chúng ta ; tôi cũng đã giới thiệu với Tồn hai ba người Pháp có thiện chí, sẵn sàng giúp đỡ anh. Đây là bước đầu. Nhưng về việc đó, chúng ta còn phải thảo luận nhiều và tôi sẽ viết cho anh một thư dài về vấn đề này...

✱

Qua các tài liệu, mà bức thư trên đây là một, ta thấy rằng Phạm Duy Tồn thiết tha với nghề báo và nếu cần lập một bảng “tiền phong của nghề báo ở Việt Nam”, người ta không có quyền quên tên Phạm Duy Tồn, một nhà văn hiện thực lớp đầu, một cây cười nổi tiếng mà cũng là một ngòi bút phúng thế rất mới, mở đầu cho một thể văn bây giờ ta gọi là “Phim hàng ngày” mà “tổ sư bồ đề” là Clément Vautel và De Lafouchardière.

Vướng vào cái nghiệp ấy, Phạm Duy Tồn không thoát được công lệ mà Ô. Guiton đã phải hạ bút viết : Notre pauvre ami Tồn est bien malheureux; và ta cũng không lấy làm lạ chính con trai cụ bây giờ là Phạm Duy cũng phải phàn nàn mà hạ danh từ “inadapté” và thương cho bà mẫu suốt đời chỉ lo trả nợ cho chồng, vì chồng “không chịu hòa mình vào hoàn

cảnh xã hội lúc bấy giờ”.

Như thế, hay hay dở ? Chúng tôi không phê phán, xin nhường quyền ấy cho bạn đọc.

VŨ BẰNG

SÁCH SÁNG TẠO

Ba tác phẩm, một niềm tin

- Đọc

Tuyển Tập Văn Chương Nhi Đồng
của **Doãn Quốc Sỹ**

(Ca dao Nhi đồng – Ngụ ngôn –
Thần thoại Ấn độ – Thần thoại
Việt Nam và Trung hoa)

để gìn giữ niềm tin tươi mát
của tuổi ấu thơ.

- Đọc :

SẦU MÂY

truyện dài của Doãn Quốc Sỹ
để tôi luyện một niềm tin sắt đá mà
nhịp những
uỷên chuyển của bốn mùa luân lưu.

- Đọc:

VÀO THIÊN

tập giai thoại tùy bút của Doãn
Quốc Sỹ
để giữ cho niềm tin bất biến như
ngọc thiên trên núi
mà màu vẫn nhuận, sen nở trong lò
mà sắc thường tươi.

Lục chồng báo cũ
Chân dung
PHẠM DUY TỒN

Chúng tôi lục đăng dưới đây một số bài báo xưa, được viết ngay sau khi Phạm Duy Tồn vừa tạ thế, trong ý hướng nhằm cung cấp cho bạn đọc, – nhất là các nhà khảo về văn học – thêm một ít tài liệu tham khảo.

Tòa soạn VĂN

Một tin buồn trong báo giới

Bản quán lấy làm buồn rầu báo tin cho độc giả biết rằng Ông Phạm Duy Tồn đã tạ thế hồi sáu giờ sáng hôm nay !

Ông Tồn là một nhà tân học uyên thâm, trước làm việc nhà nước, sau ra viết báo Đông dương Tạp chí, Trung Bắc Tân-văn, sau lại vào làm chủ bút báo Lục tỉnh Tân-văn trong Nam-kỳ được một độ, sau làm nghị viên tư vấn Bắc kỳ, làm hội viên thành phố Hà-nội, hồi năm kia được nghị viên cử như Tây đến tháng Avril năm ngoái thì giúp việc Bản quán.

Ông thiên tính khảng khái trực triệt, đối với đồng bào tổ quốc ông chan chứa tấm nhiệt thành, tuy vì buổi đời đen bạc, con tạo đành hanh, làm cho ông nhiều phen gian nan nguy hiểm, lại bó buộc vì một chữ nghèo, song cái nhiệt thành

ông không khi nào nguội, cái khí khái ông không lúc nào lụi, kim tiền và thế lực, ông coi khinh như cỏ rác vậy. Ông thường nói : “Ôi nghèo thì nghèo chớ không khi nào đem chữ ái quốc làm món hàng buôn.” Mấy tháng trước, anh em vào thăm ông, da xanh như lá, vóc gầy như mai, đầu hoa lốm đốm, hơi thở hỗn hển, mà mắt vẫn sáng như sao mai, miệng vẫn tươi như hoa nở, khoa chân khoa tay nói truyện quốc kế dân sinh, nhân tình thế thái. Hỏi đến bệnh thì ông cười nói rằng: “Chỉ có một chết chứ còn gì nữa. Tôi đã biết chết từ mấy năm trước, chứng bệnh này là chứng không chữa được. Nhưng tôi, cái chết tôi không mong mà cũng không sợ, cơm ăn thì ăn, thuốc uống thì uống, nó chết bao giờ thì nó chết.” Nghe những câu ông nói đủ biết cái tinh thần ông không hề mỏi mệt, mà cái khí khái, cái nhiệt thành của ông thực có chỗ hơn

người vậy. Vì thế cho nên ông phát ra văn chương cũng sốt sắng và hùng kính khác thường. Ông không có những văn phóng phiếm phù hoa, đối đáp tiểu xảo, nhời kêu mà ý tưởng chẳng có gì. Nay rở những bài của ông trong các báo mà xem, nhiều bài còn thấy nhiệt huyết lâm ly, cái tính cách lãng tử hình như dừng được ở trên tờ giấy.

Khi bản báo chủ nhiệm mới nhận chức trách được mấy hôm trong một buổi tiếp truyện ông và nói qua cho ông biết cái chương trình mới định cho tờ báo thì ông rất ý hợp tâm đầu và hứa sẽ hết sức giúp cho tờ Dân báo này là tờ báo thứ nhất của dân ta nguyên vẫn là dân văn hiến đã mấy nghìn năm nay, sẽ được chen vai với các Dân báo ở hoàn cầu mà rờ rở ở góc Giời Nam để làm trọn được cái nhiệm vụ nặng nề mà bản báo đảm

đang bây giờ, miễn là được toại cái chí nguyện sinh bình, còn sự thù lao gặp sao hay vậy. Tuy ông xét mình từ khi sang Pháp về bệnh cũ lại phát, nhưng ông cũng không quản ngại. Cái lòng tốt của ông đáng quý biết chừng nào ! Dè dặt, ông giúp việc Bản quán vừa hai tháng tròn, mà cái bệnh cũ của ông nó cứ chiến miên không dứt, khiến ông không làm trọn được chương trình, cái chí nguyện của ông chưa thi thố được mấy chút, ông đã phải nghỉ việc từ tháng Juin 1923. Từ bấy đến nay Bản quán để huyên địa vị của ông, cũng tưởng đau chóng đỡ chầy, một ngày kia ông lành mạnh lại giúp việc Bản quán để làm trọn cái chí nguyện của ông, cùng anh em trong làng báo cùng gánh gạch nung vôi cùng xây đắp cái nền quốc văn cho đến ngày thành lập (theo như ông nói). Nào ngờ thần chết độc địa đã cướp ông đi rồi ! Đó không những

là một tin buồn cho Bản quán mà là tin buồn chung cho báo giới vậy !

Ôi ! Núi Nùng sông Nhị, khí thiêng đúc lại một người ; nước Nhược non Bồng, cội lạc trông với muôn dặm ! Văn đàn bất hủ, người đã tràng từ, giấy ngấn tình dài, mây bay nước chảy ! Ô hô !

.

(Thực Nghiệp Dân Báo, năm thứ năm,
số 1004, thứ hai 25 Février 1924)

Một tin buồn trong báo giới Ông Phạm-duy-Tốn tạ thế

Bản quán rất lấy làm đau đớn mà báo cáo cùng các bạn đọc báo biết rằng ông Phạm-duy-Tốn vừa tạ trần sáng hôm nay tại quí xá phố hàng Dầu (rue Fellonneau) số 54. Năm nay ông vừa 42 tuổi.

Ông Tốn khi mới tốt nghiệp trường Thông-ngôn ở Yên phụ năm 1901 thì bổ làm thông ngôn ngạch tòa sứ Ninh-bình, rồi đổi sang Thị-cầu (tòa sứ Bắc-ninh). Ngay lúc bấy giờ ông đã nổi tiếng là một tay thông ngôn có đặc sắc và bắt đầu kết bạn với ông Nguyễn-văn-Vĩnh, bản báo chủ nhiệm, lúc đó cùng làm thông ngôn một tòa.

Vì sự học thức tảo thành của ông mà

lúc bấy giờ được quan trên tin dùng lắm. Cứ như cái địa vị của ông và học thức của ông thời bấy giờ thì giá ở người khác ắt có thể làm nên phú quý lắm, nhưng cái chí khí cao thượng, cái tâm huyết hăng hái của ông, không hám về đường công danh phú quý như ai, cho nên dù được tín dụng thế nào mặc lòng, ông cũng xin từ chức mà vào làm biên tập trong Đại Việt tân báo là cái báo quốc văn ra đời trước nhất tại xứ ta. Vậy thì trong làng báo, cùng với bản báo chủ nhiệm, ông là người vào làng trước nhất vậy. Khi báo Đại Việt bế quán thì ông Tồn vào làm tại Đông dương ngân hàng, tuy lúc bấy giờ tiền lương đã được cao lắm mà ông lại từ việc về làm đốc học trường Trí Tri trong khoảng năm 1907-1908 là lúc cái nền tân học của ta đang bắt đầu gây dựng. Khi mở Đại học đường ở Đồn thủy thì ông có theo học cùng với ông Phạm Xuân Tuyết

mà chúng ta khóc chưa ráo nước mắt và mấy ông nữa đã nổi tiếng là tay học cứng lắm. Khi bản báo chủ nhiệm mở tờ báo Pháp văn Notre Journal sau cải thành tạp chí Notre Revue thì ông Tồn lại bỏ nghề gõ đầu trẻ mà làm trợ bút chơ báo ấy.

Sau khi Notre Revue đóng cửa rồi thì ông lại vào làm thư ký cho Đông dương ngân hàng ở Mông-tự trong ít lâu.

Đến năm 1913, khi mở Đông-dương tạp chí thì ông ở Mông-tự có gửi nhiều bài về đăng báo, rồi sau ông lại từ hản Mông-tự mà về giúp một tay trong bộ biên tập báo Đông-dương tạp chí, Trung-Bắc tân văn và Công-thị báo. Ngoài những bài xã thuyết có giá trị của ông, thì ông lại sở trường nhất về lối Hải văn và Đoản thiên tiểu thuyết là hai mục ông đã gây ra trước nhất trong báo giới vậy. Trong khi đó, cụ F. H. Schneider là nhà sáng

lập ra bản quán đã rõ cái tài của ông, cho nên liền cử ông vào chủ trương báo Lục tỉnh tân văn trong Lục tỉnh, thì được công chúng hoan nghênh và ngợi khen văn báo của ông lắm. Nhưng cái sức lực của ông trong lúc bình sinh thường yếu luôn, cái nghị lực, cái chí quả quyết của ông càng mạnh bao nhiêu thì cái sức lực của ông xem ra lại càng yếu đi bấy nhiêu, hình như con Tào ghen ghét chỉ những người có tinh thần mạnh mẽ vậy. Vì thế mà ở trong Lục tỉnh được ít lâu, ông lại trở về Hà-nội giữ chức tổng thư ký trong bộ Biên tập Học-báo. Sau vì yếu quá mà ông phải xin tạm nghỉ cho được tĩnh dưỡng.

Ấy công nghiệp của ông Phạm-duy-Tồn ở trong Học giới và Báo giới thì đại lược như thế.

Về đường kinh tế thì ông có mở một cửa hàng Tân-nam-lâu là cửa hàng khách sạn của người Việt-Nam ta mới có là một; ngày ấy là ngày vào khoảng năm 1908 giữa là lúc cái phong trào khai thương ở xứ ta mới nhóm lên. Cánh nam nhi học thức mình mới thoát tỉnh cái giấc mộng hư văn mà không cho việc buôn là tiện nghệ ; trong cánh đó thì ông có thể kể vào một tay kiện tướng tiên phong vậy. Mấy năm sau ông lại có mở một cửa hàng buôn đồ vàng bạc, tức là cái cửa hàng Nam-bảo đã có tiếng mà rồi ông để lại cho một bạn đồng bang kế nghiệp, nay vẫn còn phát đạt vững bền. Ông vốn không phải là nhà buôn nghề mà cái bảo phụ ông cũng không chỉ ở việc buôn ; sự khai thương của ông cũng vì một cái tâm tư tưởng của ông nóng nảy quá nó xui giục ông làm vậy.

Về đường chính trị thì trong mấy năm sau đây ông lại tỏ ra là một tay hùng biện và có lòng nhiệt thành với những việc công ích lắm. Năm 1919 ra ứng cử hội viên thành phố Hà-nội là lần thứ nhất thì ông được trúng cử vào chân thứ hai, ngay sau ông Vĩnh, hết khóa ấy ông lại được công cử luôn khóa nữa. Ở Bắc-kỳ Nghị viện thì ông có ra một khóa là từ năm 1920 đến 1923 làm đại biểu cho khu thứ ba của thành phố Hà-nội. Trong những khi hội nghị, thị Hội đồng đều phục ông là một ông nghị có tính khái, hay nói thẳng mà bàn được nhiều việc đứng đắn. Năm 1922 khi mở cuộc cuộc đấu xảo Marseille thì ông được cử sang làm đại biểu cho Nghị viện Bắc-kỳ tại bên Pháp. Vì sức lực ông đã yếu sẵn rồi, không chịu nổi được cái khí hậu bên Tây, cho nên khi trở về sức ông lại kém lắm.

Được một hồi sức đã lại, cho nên ông có vào giúp việc cho tòa báo Thực nghiệp ít ngày, nhưng về sau xem cái lực ông không cưỡng theo với cái tinh thần mà ông phải về nghỉ hẳn.

Ông Tồn nay sớm khuất đi, thật là trong làng báo ta thiệt mất một tay biên tập có giá trị, các hội đồng thiệt mất một nhà nghị luận đứng đắn có công tâm. Nỗi tiếc thương của hết thảy mọi người có quen biết ông và có nghe tiếng ông thật không sao xiết kể vầy.

Than ôi ! Nước nhà đương buổi nhu tài, một người có nhiệt thành, có nghị lực, có học thức mà lại là thông tài Âu Á như ông ở vào cái lúc tân cựu giao thời trong nước, nghĩ đến việc gì cũng thấy thiếu người cả thì thật cũng là một hạng nhân tài thiết ứng cho đời, tuổi chưa bao nhiêu mà trời sao vội cướp !

Đến sáng mai, hồi 7 giờ, sẽ làm lễ cất đám, khởi hành từ quí xá phố hàng Dầu, an táng tại địa phận làng Phương-liệt.

Bản quán xin cúi đầu trước linh sàng mà khóc ông và xin quí quyền nhận lấy tấm lòng chia buồn rất thành thiết của bản quán. Ô hô !

(Trung Bắc Tân Văn,
năm thứ mười hai, số 2078,
thứ hai 25 Février 1924)

Cất đám ông Phạm-duy-Tồn

Hồi 7 giờ sáng hôm nay đã cất đám ông Phạm-duy-Tồn. Linh cữu khởi hành từ phố hàng Dầu là nơi quí xá của ông, đem an táng tại địa phận làng Phương-liệt. Đám làm theo lễ cổ nước nhà, cũng không khác gì các đám khác; chỉ khác có một vẻ là tang gia không gửi giấy cáo phó mà thân bằng đi đưa đám rất đông. Trong những ông đưa đám sáng hôm nay thì nhớ được (.....) vân vân và các bà đông lắm không nhớ hết được, cùng tất cả đồng nhân bản quán không thiếu một ai.

Trời hôm nay lúc đêm có mưa, trong khi cất đám cũng lún phún mưa xuân,

đường lội lậm ướt át quá, mà nơi an táng ông lại cách xa thành phố nhiều, phải đi đường đồng đến hơn 2 kilômètres, vậy mà không ai quản mỗi mệ, ngại bùn lầy, đều lặn lội đến cho được trước linh phần ông, liệng một viên đất trên mồ mà vái một vái cùng ông vĩnh quyết. Vong hồn ông ở dưới suối vàng, thấy như thế chắc cũng lấy làm hả dạ vui lòng, không còn ân hận gì nữa, chỉ những người đi đưa ông trông thấy hai đứa con nhỏ của ông còn phải dắt phải bông theo sau linh cữu ông đó mà ai nấy đều cảm động vô cùng, lại ngậm ngùi chạnh nghĩ tới cái tuổi của ông còn đương chưa có bao nhiêu, có tài có học, mà chưa thi thố được thành sự nghiệp gì, thì lại càng xiết bao than tiếc. Hai nhà báo Thực Nghiệp và Trung Bắc đều không có điều văn đọc tại phần mộ vì đã biết tính ông lúc bình sinh không ưa lối biểu lộ cái cảm tình bằng cách ấy.

Trong những người đi đưa đám ông hôm nay lại có một cậu học sinh mới trạc vào khoảng mười chín đôi mươi mà cũng đã biết kính phục cái tài học, cảm mến cái chí khí của ông, lúc hạ huyệt ông, có đứng đọc một bài điếu tang nghe rất cảm động ; coi thế thì biết cái nhân phẩm cùng cái danh vọng ông Tồn ở trong xã hội ta thế nào vậy.

Trong các bức trưởng liền của các nhà báo cùng các bằng bối kính viếng ông, bản báo xin lục đăng mấy bức sau đây:

Bức trưởng của báo Nam-Phong bốn chữ:

Thân tích tư nhân

Bức trưởng của ông chủ báo Khai-hóa cùng ông chủ báo Vệ-nông bốn chữ :

Vân thu oanh hoài

Câu liên của nhà báo Thực-nghiệp :

***Phiếm hải tinh già, vạn lý tràng du
thành mộng ảo,***

***Tại nhân nhật sử, bản sinh tâm
huyết thượng lâm ly.***

Câu liên của ông (lang) Hoài đức
Nguyễn-quang-Riệu :

***Hào sảng như quân, viêm lãnh thế
tình hà túc quái,***

***Nô dung tự ngã, tử sinh để cục bất
năng tranh.***

Câu liên của ông Trần-trọng-Kim và
ông Bùi Kỳ:

***Ngã bối diệp thâm sinh, thất xích
ngang tàng cam tiểu mạ,***

*Cố nhân hồ cụ tử, nhất phẩu can
tĩnh túc tang thương.*

Câu liên của bản báo chủ nhiệm
Nguyễn-văn-Vĩnh :

*Lý hãn kết tương tri, trấp dư niên
hình ảnh bất ly, ư sử phủ thời, ư báo
quán thời, tư nghị trường thời, tài ư phải
bộ thời, tổng giốc đồng tâm ngôn tại nhĩ.*

*Chí nghiệp vị nhất tự, bình sinh
hữu thần tinh tiệp tán, Thọ sơn quân
khứ, Bưu văn quân khứ, Ích ký quân
khứ, kim Thời mẫn quân khứ, thời gian
cao mục lệ tân huy.*

(Trung Bắc Tân Văn,
năm thứ mười hai, số 2079,
thứ ba 26 Février 1924)

Cất đám ông Phạm-duy-Tồn

Sáng hôm nay hồi 7 giờ đã cất đám ông Phạm-duy-Tồn an táng tại địa phận làng Phương-liệt (Hà-đông), đám theo lối ta, người đi đưa đám rất đông, anh em bạn bè ai cũng ngậm ngùi có lòng thương tiếc vì ông là một người tính nết thuần cần, giao du rộng rãi, xưa nay ai cũng có lòng mến yêu.

Nay xin kể qua cái lịch sử của ông : khi mới xuất thân ở trường thông ngôn ra, ông được bổ làm việc vào ngạch tòa Sứ Bắc-kỳ, quan trên rất là tin dùng, nhưng ông có chí cao thượng, không ham về sự công danh phú quý. Không được bao lâu, nước ta chính gặp lúc phong trào cải

cách, ông xin từ chức về làm báo Đại-việt Tân-báo, kể trong làng báo quốc văn ông cũng là một tay phất cờ đầu vậy. Đến khi nhà báo Đại-việt đóng cửa, ông lại ra làm việc tại nhà Đông-pháp ngân hàng, nhưng ông vẫn nhiệt thành về sự khai hóa quốc dân, nên ông lại xin thôi việc về làm đốc học trường hội Trí Tri, rồi ông lại giúp việc báo Pháp văn Notre Journal sau đổi tên là Notre Revue. Sau ông lại biên tập các báo Đông-dương tạp chí, Trung-bắc tân văn, rồi làm chủ bút báo Lục-tỉnh tân văn trong Nam-kỳ, rồi lại ra Hanoi biên tập cuốn Học báo. Từ đó ông vì sức yếu phải nghỉ việc để tĩnh dưỡng.

Ông lại nhiệt tâm về đường thực tế, ngay hồi 15 năm trở về trước, ông đã đứng mở ra một nhà khách sạn gọi là “Tân-nam lâu”. Mấy năm sau ông lại mở

một cửa hàng buôn đồ vàng bạc gọi là hiệu “Nam bảo” trưng ty rượu Sơn-tây và mua đồn điền ở Bắc-ninh hội. Một nhà văn sĩ xưa nay nào biết buôn bán thế nào, mà ông dâm quả quyết đảm đương các công việc như vậy, tuy sự kết quả không được hoàn hảo, song cái lòng sốt sắng cái chí cương nghị của ông đối với thương giới nông giới nước nhà cũng đáng khen vậy.

Về đường ngôn luận ông cũng là một tay hùng biện ở chốn nghị trường: Hai khóa ông làm hội viên thành phố Hanoi, rồi lại làm Bắc-kỳ tư-vấn-nghị viện. Năm 1922 ông đại biểu Bắc-kỳ nghị viện sang dự cuộc đấu xảo Marseille. Gần đây ông lại vào giúp việc báo Thực-nghiệp, không được bao lâu ông bị bệnh trong mấy tháng nay đến hồi sáng hôm qua thì mất.

Ông thật là một người có công với sự Khai hóa quốc dân, nước ta bây giờ đương cần có những người nhiệt thành như thế, ai ngờ trời đã vội cướp ! Tiếc thay !

Bản báo xin có lời kính viếng ông và chia buồn với quý quyến một lần nữa.

(Khai Hóa Nhật Báo, năm thứ tư,
số 778, thứ ba 26 Février 1924)

Đám tang ông Phạm-duy-Tồn

Như nhời bản báo đăng hôm qua, hồi 7 giờ sáng hôm nay đã đưa đám ông Phạm duy Tồn từ nhà số 51 phố Hàng Dầu về an táng tại làng Phương liệt (Hà-đông).

Tuy giờ mưa đường lội, mà các bà con bạn hữu đi đưa đám rất đông.

Câu đối phúng cũng nhiều, các báo quán (Nam Phong, Trung Bắc, Khai Hóa và bản quán) đều có cả.

Khi hạ huyệt, có ông Khách Hà cự Môn là bạn hàng của bản quán đem ba nén hương thắp trước mộ mà viếng ông

Tồn ; nguyên ông Hà cự Môn không phải là bạn ống Tồn, chỉ vì tối hôm qua đến chơi bản quán, thấy nói chuyện văn ông Tồn, đem lòng hâm mộ, nên sáng hôm nay tiến đưa một cách ân cần ; thế mới biết người Khách cũng chuộng các nhà bình bút trong báo giới lắm. Lại có một ông bạn thiếu niên của ông Tồn là M. Hoàng ngọc Thụ đọc bài điều tang sau này:

“Ông Tồn ôi ! Trước phần mộ ông cỏ thảm mây sầu, vợ than con khóc, đồng bào thương tiếc, quốc dân hoan nghênh. Thương ôi ! Hồn ông dưới cửu tuyền có thấu tình chăng nhẽ.

Nhớ ông xưa tài lãnh đức cả, trí khí hiên ngang, tấm lòng ái quốc, tấc dạ trung trinh, lúc nào cũng tran hóa bao nhiêu nhiệt huyết trên tờ giấy trắng. Than ôi! Tự nay ông Tồn đã thành người đại cổ,

tấm thân hồ hải của ông, bỗng chốc đã vùi sâu một nắm ở nơi bãi cỏ hoa rêu này, mà mảnh hồn đau đớn phiêu lưu của ông dường bay bổng rập rờ trên mấy tầng mây xanh ngắt kia. Thương thay ! Ông Tổn ôi ! Buổi đời này lòng người đen bạc, khi xưa lúc ông còn sống đã biết bao phen ông vượt hiểm qua nguy, lúc ông đập chuông Lục-Tĩnh, khi ông viết báo Tân-Văn, hồi ông róng mō Thực-Nghiệp, phen nào ông lại ra ứng cử Nghị-viên, trong mấy lần mà ông đã vượt thác qua đèo ấy, thì đã biết bao nhiêu lần ông vấp ngã khó khăn, biết bao nhiêu huyết lệ của ông chan chứa vơi đầy, mà lòng kiên cố sắt gang của ông vẫn không hề ngã vấp truyền lay. Quí hóa thay ! Cảm mến thay ! Khi ông còn sống, hằng những lo toan công việc nước nhà, nay ông đã chết, vậy tấm lòng nhiệt huyết của ông xưa hằng những mong mỗi ngày đêm, thì đến nay đều nguội lạnh như đồng, mà

dần dần thành đám hắc vân cứ từ từ theo ông về nốt.

Hỡi vong hồn ông Tốn ôi ! Khi ông mới mắc bệnh, ông cũng đã biết rõ chắc sau ông cũng không có thể ở lại được trốn Hồng-trần này mà lẩn lóc với đời để lo chung với chúng tôi lấy một gánh nặng của giang sơn mà cùng nhau san sẻ, vậy mà ông còn guợng được, tay cầm bút viết thư cho tôi. Ông có dặn đi dặn lại tôi đôi ba phen rằng : Phải nên nhớ cái công ơn của tổ phụ chúng ta khi xưa đã ra công khai hóa mở mang, đến nay là đời chúng ta sinh hạ vào cuộc biến cải tang thương, lòng người cũng sinh ra muông thú, chỉ biết ăn no ngủ kỹ, vậy những hạng người ấy tuyên là quân “giá áo túi cơm” họ chỉ đổ những sự tức bực buồn rầu cho những đấng tiên hiền hàng ngày ở dưới suối vàng những khanh khách cười cho cuộc

đời giàu bề. Ông lại khuyên tôi đầu còn xanh niên còn trẻ nên luyện trí tập gân để mong sao một ngày kia sẽ trở thành một cột trụ đồng khỏe cứng có thể chống được thành cao, giữ được núi đá.

Vong hồn anh linh của ông Tổn ôi ! Trước phần mộ ông, tôi nhắc đọc lại những nhời vàng ngọc của ông di giặn, khiến gan héo ruột sầu tôi lại càng tơi bời rối rít. Tôi xin vâng mà nhận lời ông khuyên dặn ư, hay tôi ngoảnh mặt làm thiính, mà phụ lòng ông mong mỏi ư. Khó nghĩ quá !

Vậy nên tôi tới đây, trước là từ giã năm đất u sầu mà dưới ba thước vùi sâu một tấm thân vàng ngọc của ông, sau nữa tôi có mấy lời hoan hỷ than thở cuối cùng với tấm hồn tàn cục của ông dưới mộ phần trước mặt mọi người chứng giám.

Hỡi mảnh hồn tinh anh của ông Tổn,

*là để người thương tiếc cho quốc dân ôi !
Tôi xin thú tội với ông là những nhời của
ông khuyên dạy trên kia, chưa chắc tôi đã
noi theo được gương ông mà hành động
để vong hồn ông dưới cửu tuyền được
thỏa nguyện, tôi cam đắc tội phụ lòng ông
mong đợi, phụ nhời ông khuyên bảo. Khi
ông còn sống có lòng yên mến đến kẻ hư
sinh này, mà lúc ông chết ông chút sạch
những công việc lại cho, thiết tưởng tôi
đâu giám nhận những trách chánh to tát
ấy được.*

*Chỉ xin cầu rằng: từ nay mảnh hồn
tàn cục của ông tiêu điều cục lạc mà an
dưỡng nơi chín suối cho được an linh tinh
độ. Còn những nhời châu ngọc của ông
khuyên dạy, tôi xin ghi xương tạc cốt.*

*Than ôi ! Cuộc đời ngắn ngủi của ông
mới ngoài bốn mươi tuổi đã vội quay đầu
giở lại non xanh, để lại năm đứa con cô*

cho người vợ góa ! Thương ôi ! Vậy những lúc ông còn sống, ngày đêm mưu nọ tính kia, nào ông đã được gì cho ông thỏa lòng ước muốn. Nay ông đã vội tuổi vàng du ngoạn thế, hỡi vong hồn ông Tổn.

Ôi ! Từ nay trong gia đình ông, người vợ góa, lũ con cô, ra vào âu sầu thương nhớ vắng ông, ngoài thì xã hội đồng bào than tiếc buồn rầu mất ông. Vậy ông nở vội từ trần một cách mau chóng chi thế. Ô hô! Than ôi ! Hỡi vong hồn ông Phạm duy Tổn, tôi xin thay mặt cả những đáng thiếu niên Nam Việt cúi đầu trước mộ phần kính chúc ông trăm năm an giấc. Thương ôi !

(Thực Nghiệp Dân Bảo,
năm thứ năm, số 1005,
thứ ba 26 Février, 1924)

ĐÓN COI:

SỐNG CHỈ MỘT LẦN

truyện dài mới nhất, ưng ý nhất

của **MAI-THẢO**

NGUYỄN ĐÌNH VƯỢNG xuất bản

Vũ Bằng
Phạm Duy Tốn,
bạc đàn anh
trong lối văn hài hước

Để rồi xem ông Vũ Đình Long, chủ nhà xuất bản “ Tân Dân ” suy nghiệm có đúng không. Tôi nhớ rõ ràng có một hôm, ông đã nói :

– Tôi làm cái nghề xuất bản, chỉ chuyên chú vào văn nghệ không được, mà còn phải nhằm luôn cả về phía thương mại nữa.

Theo ý ông, nói về thương mại là nói tới trào lưu. Mà theo ông sách xuất bản mà theo đúng trào lưu thì chạy – đã đành là trong cái nghĩa “theo đúng trào lưu” ấy, người làm kỹ nghệ sách luôn luôn phải lưu ý tới sự ích lợi, cho nhân dân, phục vụ quyền lợi của dân tộc.

Người ta nghiệm rằng sau mỗi thời kỳ chiến tranh, người đọc sách vì mệt mỏi, vì đau khổ nhiều, không mấy thích thú những cái gì khô khan quá, khó hiểu quá hay đòi hỏi sự suy nghĩ quá nhiều. Nhưng chính trong thời chiến tranh thì người dân cũng vì chán nản, thường lại muốn gác bỏ hết âu lo bằng cách tìm hiểu, tìm học, để mong đem sử dụng cái học, cái biết của mình vào thời hậu chiến. Có lẽ vì thế, trong thời Pháp chân trong chân ngoài ở Đông-dương, Nhật tới rồi Đồng minh tiến đánh, ở Bắc Việt những

báo như “ Thanh Nghị ”, “ Tri Tân ” bàn luận trang nghiêm, chịu khó tìm tòi sưu khảo được nhiều người tìm đọc. Nhưng trước đó, sau thế chiến thứ nhất, tức là vào khoảng từ 1920 đến 1930, người dân lại cảm thấy mệt mỏi, không ưa đọc sách nặng nề mà lại đi tìm những tác phẩm nhẹ, vui để giải trí. Đó là phong trào sách vui của nhà Tân Dân, “ Tiểu thuyết thứ năm ”, “ Tiểu thuyết thứ bảy ” v.v... đọc tiêu khiển, không đòi hỏi sự suy nghĩ quá nhiều. Mà đó cũng là thời kỳ mà người dân chán nản không muốn nhìn gì hết, nghe gì hết, suy tư gì hết. Người ta đọc truyện tình, truyện cười, truyện kiếm hiệp, truyện võ vãn để “ thoát ly ” . Tôi không biết tâm trạng người dân mình hiện nay ra sao nhưng cứ trông vào ngành xuất bản, ai cũng phải nhận rằng ít lâu nay chúng ta cũng đang ở vào một tình trạng na ná thế. Trong khi các sách

ngghiêm trang, đứng đắn, đưa lý thuyết này ra, chủ thuyết kia ra, thì các sách tiểu thuyết, so về lượng vẫn nhiều hơn, và nếu để ý hơn một chút thì các sách nói về tướng số, bói bài, cũng bán chạy tay hơn, nhất là các sách giải trí, các sách cười, các sách tiểu lâm, kêu là “ các sách cấm đàn bà trẻ con đọc ” cũng nhiều hơn và được ưa chuộng hơn – vì có cuốn quảng cáo đã in tới lần thứ tư, thứ năm, thứ sáu... Đồng thời, các báo ngghiêm trang, đứng đắn hầu hết đều ế ẩm, nhưng trái lại các báo và tạp chí vui cười, trào phúng, hoạt kê lại chạy. Bây giờ mới chỉ có hai tờ, nhưng theo chỗ biết của chúng tôi thì trong một thời gian ngắn còn ba tờ báo nữa vào loại ấy cũng rục rịch ra đời.

Tóm lại ta thấy gì ? Ta thấy là người dân bắt đầu chán những cái gì đứng đắn mà lại thích chửi bới, sỏi móc, cười cợt,

vui đùa, giải trí. Đây không phải là chỗ để suy nghĩ xem đó là một điểm hay hay dở, nhưng chúng tôi thấy là một dịp để cho chúng ta nhận thức rằng không phải chỉ có văn chương nghiêm trang đúng đắn mới phục vụ được đất nước, nhưng chính văn chương hài hước khi cần có khí cũng có một tác dụng không kém phần hữu ích: Do đó chúng ta không thể cho văn chương hài hước là phiếm, mà chỉ có văn chương nghiêm nghị mới là quan trọng. Đã là văn chương thì bất cứ dưới hình thức nào mà sử dụng đúng thời cơ, đúng phương pháp cũng vẫn có ích như thường. Một lời nói của người xưa xưa đuổi được ba quân thì một câu giễu cợt có khi cũng sửa đổi được phong hóa – điều đó ai cũng biết.

Cười cợt để sửa đổi phong hóa

Có lẽ người nào đó đã lầm khi cho rằng cười cợt là khí giới của kẻ yếu. Nhìn vào lịch sử của tiếng cười trong thế giới, người ta thấy rằng không phải có kẻ yếu mới cười ! Chính những người gan dạ nhất đã cười khi đã dám đứng ra dùng tiếng cười để riễu một bạo chúa, một hôn quân hay một đệ nhất phu nhân tàn ác. Chính vì nghĩ như thế cho nên hôm nay chúng tôi đưa ra đây một vấn đề : tại sao từ trước đến nay ta chỉ nói đến những văn nhân thi sĩ “đạo mạo, trang nghiêm” mà không bao giờ đặt lên bàn thờ văn nghệ để sưu khảo, tìm tòi học hỏi về các nhà văn trào phúng, các nhà văn cười, các nhà văn hài hước

Thực ra, đặt một vấn đề như thế có vẻ bao quát quá. Chúng tôi sẽ có dịp nói về ý nghĩa cái cười, ích lợi cái cười, và bộ

loại cái cười của một số nước trên thế giới trong một tác phẩm mới, hy vọng đầy đủ hơn. Ở đây, trong phạm vi một hồi ký chúng tôi chỉ muốn tìm hiểu và học hỏi về cái cười trong văn chương Việt Nam trong một phạm vi nhỏ hẹp — nghĩa là trong văn chương tiền chiến. Ở nước ta nhà văn nào là người đầu tiên đã đem cái cười vào văn chương ? Người nào đã biết sức mạnh và giá trị của tiếng cười ? Người nào đã biết lấy tiếng cười để chế riễu, bài bác các xấu xa dơ dáy trong xã hội ?

Trở về thời trước, ta đã biết có những nhà văn, nhà thơ cười những tiếng giết người như Nghê Tân, Cao Bá Quát, Ba Giai, Yên Đô, Tú Xương... làm nên những bài thơ, bài phú, những câu đối, những ca trù làm cho người bị riễu cảm gan tím ruột... Nhưng cận đại có những ai ?

Sau Yên Đổ, Tú Xương, Ba Giai, Nghè Tân... làng văn hài hước của ta vẫn đều đều sản xuất được nhiều tài hoa, nhưng tiếc một nỗi là đa số tác phẩm đều khuyết danh như những thơ như “Bách Thú”, “Lên Đồng”... Mãi đến thời Nguyễn văn Vĩnh, Phạm Quỳnh, riêng tôi, mới thấy có một cây cười thời đại xuất hiện, nói ra bây giờ có lẽ nhiều bạn không ngờ, và có nhiều cụ cho rằng nói ra không lợi ích cho ai, nhưng vì vấn đề văn học, tôi tự thấy phải nói ra mà các nhà văn trào phúng, các ký giả chuyên về hài hước có lẽ cũng nên biết, vì chúng ta không thể không biết đến một bức đàn anh đã dẹp đường dọn lối cho ta đi bây giờ, một “lão tổ” đã sớm biết giá trị của tiếng cười và đem tiếng cười ra làm vui thiên hạ, ngay từ hồi 1915, 19:8... Người đó là ai ? Theo chỗ biết của tôi, cây cười số một cận đại đó chính là cụ Thọ An.

THỌ AN LÀ AI ? LIÊN HỆ GÌ VỚI PHẠM DUY KHIÊM, PHẠM DUY CẢN PHẠM DUY NHƯỢNG ?

Tôi biết sơ sơ thạc sĩ Phạm Duy Khiêm lúc tôi làm “Trung Bắc Chủ Nhật”, nhưng Phạm Duy Cẩn tức nhạc sĩ Phạm Duy và anh Phạm Duy Nhượng đối với tôi là chỗ thân tình. Nhưng cho đến lúc anh Nhượng quá cố, và đối với Phạm Duy Khiêm cũng như Phạm Duy Cẩn, cho đến giờ phút này tôi chưa hề nói về cụ Thọ An nên không hiểu các anh Khiêm và Cẩn có biết gì hơn không.

Riêng tôi thì biết cụ Thọ An không ai khác hơn là cụ Phạm Duy Tốn, một nhà văn nổi tiếng về một truyện đăng ở Nam Phong, nhan đề “Sống chết mặc bay” và một bài văn phúng thể nhan đề là “May cho ta !...” đăng ở “Đông Dương Tạp Chí”. Như các bạn đã biết truyện “Sống chết

mặc bay”, viết theo một lối văn hiện thực rất mới, chửi bọn quan lại hạch sách dân đen, đi coi đê, nhưng sống chết mặc bay, cứ lo ngồi đánh tài bàn tổ tôm, thỉnh thoảng lại bắt lính châm điếu thuốc hút, thậm chí đến lúc đê vỡ rồi, vẫn không biết cứ đánh bài và cứ kêu “Điều, mày !”; còn bài “May cho ta !” thì viết theo lối “Phim hàng ngày” của các nhật báo bây giờ, ca tụng xỏ người Pháp văn minh chỉ ăn bánh mì thôi, chớ chi mà người Nhật người Tàu đến bảo hộ dân mình, cũng ăn gạo như mình thì cả nước mình chết đói !

Ngoài hai bài đó ra, Phạm Duy Tồn còn viết nhiều bài khác, đăng trên các báo miền Nam ký bút hiệu khác, nhưng tôi cũng như phần đông người mình lúc bấy giờ, chỉ biết Phạm Duy Tồn qua hai bài ấy, chứ không mấy ai biết rằng người

đầu tiên có sáng kiến gom góp các chuyện cười “đặc biệt Việt Nam” để giải trí cho người ta và làm tài liệu cho ngoại quốc biết cái cười của người Việt ra sao chính là Phạm Duy Tốn. Sự việc này, có những bậc lão thành năm nay bảy tám mươi, cũng không biết tới, dù rằng người nào — nhất là ở Bắc — cũng đã một vài lần đọc ba tập “Tiểu Lâm Quảng ký” mà tên tác giả là Thọ An.

Đọc “Tiểu Lâm” hồi ấy, nhiều bậc đạo đức phải giấu giếm vì bị coi là tục tĩu, nhưng thực ra thì hầu hết đều đọc vì ai cũng nhận rằng cười là cái riêng biệt của con người²” “cái cười chân thật, cởi mở hồn nhiên có sức quyến rũ và bồi bổ nguyên khí³” và “cười không những là một phép chữa bệnh rất thần hiệu, mà

2 Le rire est le propre de l'homme.

3 Le rire franc, large, spontané séduit et réconforte (Dale Carnegie).

còn làm cho người ta trẻ lại⁴”.

Nhưng cụ Thọ An Phạm Duy Tốn giấu cái bí danh ấy đến cùng, không cho ai biết Thọ An tác giả ba tập “Tiểu Lâm Quảng ký” là cụ, có lẽ vì lúc ấy người mình còn nuôi một quan niệm chật hẹp về cái cười chẳng ? Song le, tôi biết. Nguyên hồi ấy, tôi học trường Hàng Vôi; ngoài hai buổi học ra, tôi phải ngồi bán sách vì cha mẹ tôi là một nhà bán sách ở phố Hàng Gai (Hà nội) : bán sách chữ nho, bán kinh Phật, bán và xuất bản đủ các loại truyện văn vần như Kiều, Thạch Sanh, Tống Trân, Hoàng Triều, Bạch Viên Tôn Các... trên dưới có một vài ngàn thứ. Vừa bán sách, tôi vừa ngồi đọc truyện, do đó biết những tên Nguyễn văn Vĩnh, Phan Kế Bính, Đông Châu Nguyễn Hữu Tiến (tác giả “Giai nhân di mặc” tiểu thuyết

4 Le rire est non seulement un puissant thérapeutique. mais une véritable source de Jouvence (James Sully).

hóa cuộc đời Hồ Xuân Hương), tú tài Nguyễn Đôn Phục, Nguyễn Bá Trạc, Phạm Duy Tồn... Nhưng chỉ nghe danh thế mà thôi. Phải đợi mãi đến một ngày kia tôi mới được thấy tận mặt Phạm Duy Tồn và nhân đó biết cụ Tồn là Thọ. An, tác giả ba tập “Tiểu lâm Quảng ký”.

Nguyên do là các sách văn vần nhà tôi in bán rất chạy, cả nước gửi mua – mỗi quyển chỉ ăn lời nửa xu hay một xu là cùng. Thấy mẹ tôi thấy thế bèn tìm cách khuếch trương ngành xuất bản, in những tập hát chèo như “Chuột sa chĩnh gạo”, “Lông ngỗng đưa tình” của cụ Tú tài Hoàng Sơn Nguyễn Thúc Khiêm và những chuyện văn xuôi như “Một cảnh làm dâu” của Ô. Chân Thụy, “Nguyệt Hương Cô Nữ^{*}” của Trúc Khê Ngô Văn Triện.

Trong các loại truyện văn xuôi mới mẻ đó, có ba tập “Tiểu lâm Quảng ký của Thọ An. Thực ra, cụ Thọ An không bán bản quyền ba cuốn ấy cho nhà tôi, nhưng bán cho nhà Ích Ký ở phố Hàng Giấy. Cụ Ích Ký bà, quen biết và buôn bán với nhà tôi, không hiểu vì lẽ gì nhường ba cuốn ấy cho thầy tôi toàn quyền xuất bản.

Tại sao cụ Phạm Duy Tồn lại nhường quyền xuất bản ba cuốn “Tiểu lâm Quảng Ký” cho nhà Ích Ký? Sau này, nghe chuyện của “người lớn” nói với nhau, tôi biết rằng cụ Tồn quen nhà Ích Ký qua cô Phạm thị Nghĩa là con gái cụ Ích Ký.

Không nói, chắc các bạn cũng thừa rõ là đàn bà con gái thời đó cổ kính và cao tường kín cổng đến chừng nào

Mặc dầu cụ Nguyễn văn Vĩnh làm “Đông Dương Tạp chí” mở ra mục “Lời

đàn bà” và viết những bài ký là Đào thị Loan, để khuyến khích nữ giới làm thơ và viết văn, tuyệt nhiên không có cô nào, bà nào lên tiếng — kể cả hai nữ sĩ Tương Phố và Song Khê. Lúc đó, đa số các bà, các cô còn đi dép cong đội nón quai thao, ăn trầu. Ở suốt Bắc kỳ chỉ có hai cô theo học trường Brioux (lúc ấy ở đường Hàng Trống, gần Ngõ Hồ, trông sang đền Hàng Trống đậu được đến bằng Sơ Học Pháp Việt : đó là cô Phạm thị Nghĩa, ái nữ của bà Ích Ký mà tôi vừa nói trên kia, và cô Hoàng thị Nội, sau lấy kỹ sư Nguyễn Lễ. Cô Nghĩa sau lấy y sĩ Đỗ Uông nhưng vì trái duyên, nên bước đi bước nữa, lấy ông Lê Thành Ý, giáo sư Việt văn trường trung học Albert Sarraut, sanh được hai con, thì một không may chết đuối.

Mặc dầu đỗ rất cao, các cô Nghĩa và Nội vẫn sống trong lễ giáo và nề nếp, kín

cổng cao tường. Tôi không hiểu duyên cớ gì xui cụt Phạm Duy Tốn biết cô Nghĩa, nhưng vì có sự quen biết ấy, cụt Tốn mới để tác quyền ba tập “Tiểu lâm Quảng Ký” cho nhà Ích Ký và sau đó tác quyền ấy về thầy tôi. Chính vì có sự nhượng lại bản quyền đó, cụt Tốn và thầy tôi mới gặp gỡ nhau và quen biết nhau. Tôi được thấy cụt Phạm Duy Tốn hai ba lần cũng vì mấy cuộc gặp gỡ nói trên.

PHẠM DUY TỐN MỘT NHÀ VĂN GIÁC NGỘ SỚM HƠN AI HẾT

Biết khai thác cái cười và hiểu biết giá trị của tiếng cười sớm nhất trong các nhà văn hiện đại, theo tôi, Phạm Duy Tốn là người tiên phong. Ba tập “Tiểu lâm Quảng Ký” của cụt quả là một tài liệu quý báu vô cùng cho loại văn hoạt kê trong bình dân Việt Nam, mặc dầu có một ít truyện có thể gọi là tục như “Ông thầy

bói ăn bánh rán”, “Úm ba la ba ta cùng khỏi” hoặc “Ông thầy treo mắt ngược” nhưng tất cả các truyện sưu tầm đã biểu lộ được hết sức rõ rệt ý nghĩa tiếng cười của người Việt Nam, ngoài thì hời hợt mà trong thực sâu sắc, có tục có thanh, nhưng dù sao cũng không tục tĩu và phi luân lý như nhiều truyện tiểu lâm khác của một vài nước trên thế giới...

Đến bây giờ đọc lại ba tập ấy, các bạn cũng phải nhận như tôi là văn của cụ Tồn rất đậm đà, có duyên, viết không thừa chữ mà lại biết nhấn mạnh những điểm nực cười, cho đến bây giờ chưa chắc đã có người nào thuật lại chuyện tiểu lâm hay hơn thế. Cụ đạt được kết quả như thế có lẽ là vì cụ sớm giác ngộ, lại thêm một khối óc thông minh hơn người, đã am hiểu Nho học lại ảnh hưởng thêm Tây học.

Cũng như Phạm Duy Khiêm, và Phạm Duy Nhuận, cụ Phạm Duy Tồn người cao dong dỏng, mới trông như ba Tàu, tóc bông bênh, bù xù, ít khi chải cẩn thận, đeo kiếng trắng, mắt lim dim lúc nào cũng như buồn ngủ, cười nửa miệng, trông đẹp và có duyên. Thường thường, nói chuyện với ai cụ cũng thọc hai tay vào túi quần.

Một phần lớn thuở thiếu thời cụ sống ở miền Nam, viết bài cho Đông Pháp Thời Báo, Lục Tỉnh Tân Văn... Đến khi ra Bắc, cụ đứng vào nhóm Nguyễn văn Vĩnh, và đã thủ một vai quan trọng trong vụ tẩy chay người Tàu do Nguyễn Văn Vĩnh đề xướng từng làm cho ba Tàu ở Hà Nội thất điên bát đảo. Bây giờ, các cụ đồng tuế với cụ Phạm Duy Tồn, như Bác sĩ Nguyễn Bá Tụng, hãy còn nhớ trong những ngày sôi nổi ấy, Phạm Duy Tồn

đã đứng trước cửa tiệm vàng bạc “Nam Bảo” phố Hàng Đào, chỉ huy thanh niên chống lại “đội xếp” đàn áp các người biểu tình “tẩy chay Hoa kiều ăn cơm gạo của ta béo mập rồi lại quay lại khinh bỉ dân ta, bóc lột dân ta” và cũng chính Phạm Duy Tồn đã can đảm ra giằng co với “đội xếp tây và đội xếp ta” để cứu Mãn Châu Nguyễn Mạnh Bổng (sau này là chủ nhà xuất bản Hương Sơn, anh rể Hán Thu Nguyễn Tiến Lãng) lúc đó là một cán bộ hăng say nhất trong phong trào tẩy chay Hoa kiều.

Tiệm vàng “Nam Bảo” là một tiệm buôn do cụ Tồn lập ra để sống một cách tự do trong khi cụ vẫn viết báo và viết sách. Những khi nào rảnh rỗi, cụ đi chơi chỗ này chỗ kia, không chịu làm việc với Tây, không chịu quy lụy ai, bất cứ quan lại Annam nào cụ cũng kêu là “thằng”.

Trong thời kỳ ấy, cụ thường năng đi lại đàm đạo thể sự nhân tình với các cụ Trần Trọng Kim, Nguyễn Văn Vĩnh, Nguyễn Bá Tụng... và mỗi tuần các cụ lại một lần ăn cơm tây ở trên gác sân căn nhà số 34 Hàng Mã Mây (Hà Nội) tức là nhà cụ Nguyễn Văn Vĩnh (cụ còn một căn nhà ở 10 Général Bichot tại Đường Thành, gần trại lính). Cũng trong thời kỳ này các cụ vẫn có tin tức từ hải ngoại bí mật gửi về và có người đã thấy trong thư viện của cụ Vĩnh ở tại số nhà nói trên, những bức thư của cụ Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh gửi chuyển tay về nước.

Mở tiệm kim hoàn “Nam Bảo” ở Hàng Đào, cụ Phạm Duy Tốn đã khéo áp dụng cái cười để quảng cáo cho cửa tiệm. Riêng về cách quảng cáo ấy cũng hết sức mới, so với lúc bấy giờ.

Nhờ tài khéo ăn khéo nói, cụ thuyết phục được các đào kép rạp Quảng Lạc “Sán Nhiên Đài” quảng cáo cho tiệm vàng của cụ, vì thế cho nên có nhiều lần người ta đã thấy đào Cường và đào Đính đóng tuồng “Nhất bộ nhất bài Phàn Lê Huê” và “Quan Công phò Nhị tẩu” giơ tay lên trời nói một câu rất trơ mà cũng rất công hiệu : “Ra hiệu Nam Bảo mua vàng đeo tay”. Lại một chuyện khác liên quan đến việc quảng cáo cho tiệm vàng Nam Bảo. Thuở ấy, ở trên các đường phố Hà thành, có những người Cao Ly mang những tấm thảm và da beo ở tay, vừa đi vừa kêu một thứ tiếng khó hiểu tựa như “Nằm pố”. Ai cũng muốn biết “Nằm pố” là cái gì. Có phải là “la pố” (la peau) không ? Thì cụ Tồn đạo mạo giải thích như sau :

– Có thể mà không biết ! Người ta

nói tắt đấy. Cả câu như thế này “Nằm phố tổ hảo”, nghĩa là tiếng Cao Ly họ bảo : “Nam Bảo tổ hảo” tức là vàng nhà Nam Bảo tốt lắm, tiệm vàng Nam Bảo tổ hảo, cơ lơ bớ !

Các cụ bạn của Phạm Duy Tốn đều chịu cụ Tốn là người thông minh, mau trí. Cụ viết cũng mau, làm thơ rất lạ. Bây giờ, các cụ như bác sĩ Tụng còn nhớ có một lần ăn sinh nhật báo “Đông Dương Tạp chí”, cụ Tốn vừa nói chuyện vừa làm một bài thơ khôi hài rất hay, nhưng tiếc vì tài liệu mất mát nên chỉ còn nhớ có câu đầu:

“Ừa này, sinh nhật báo Đông Dương!”

Những truyện ngắn như “Sống chết mặc bay” và “phim” như “May cho ta” cụ viết cũng mau lạ lắm và tài một cái là những danh từ, hình ảnh cụ dùng rất hay

và rất mới. Thí dụ : đi hót tóc, cụ ví tiếng kéo lách cách tĩa tóc như tiếng chim hót và ví mặt người uống rượu đỏ gay như mặt... Ai cũng cho là cụ nói tục. Cụ cười mà bảo : “Rõ các ông này bậy quá ! Để cho người ta ví cho hết câu đã nào. Tôi ví mặt người say rượu đỏ như mặt trời, có gì là bậy đâu mà các cụ làm âm lên thế !”

NHỮNG CÂY CƯỜI CÙNG LỚP VỚI PHẠM DUY TỐN

Lúc ấy, cụ Phạm Duy Tốn cũng có viết bài cho “Trung Bắc Tân văn”, nhưng mục “Hài đàm” thì lại do hai cụ Hif Đình Nguyên Van Tooì và Sơn Phong giữ. Lúc ấy Sơn Phong và Hì Đình đi đôi với nhau, ngày nào cũng có một mẫu hài đàm đăng trang nhất, phần nhiều kết bằng bốn câu thơ.

Hài đàm của Hì Đình Nguyễn văn Tỏi, Sơn Phong khác hẳn loại tiểu lâm của Phạm Duy Tồn. Về sau này, nói đến hài đàm của Hì Đình và Sơn Phong, báo “Phong Hóa” riều là nhạt như nước ốc ; nhưng thực ra hồi đó các bậc nho học lão thành thích thú hết sức và cho là sâu sắc, tế nhị vô cùng. Chúng tôi rất tiếc không giữ lại được những bài ấy để in thành sách cống hiến cho bạn đọc, chớ nếu làm được như vậy thì chúng ta cũng có một tài liệu quý giá về một loại hài đàm tế nhị và sâu sắc, đánh dấu một thời kỳ nhà nho chơi chữ chữ tây và chữ quan.

Hì Đình và Sơn Phong là ai ? Hì Đình, viết theo chữ quốc ngữ mới của cụ Nguyễn Văn Vĩnh là Hìf Đìnhf, ký tên là Nguyễn Văn Tỏi, thực ra là cụ Tú tài Nguyễn Đỗ Mục, một nhà nho nổi tiếng về tài dịch những tiểu thuyết Tàu như “Tam Quốc”, “Đông Chu”, “Thuyền tình bể ái”, “Đốt

cháy chùa Hồng Liên”, “Liêu trai chí dị”, “Đông chu liệt quốc”... Vì sau khi Trung Bắc đóng cửa, cụ Tú Mịch sang dịch sách cho nhà Tân Dân, tôi được gần cụ đến lúc cụ mất. Mặc dầu lúc ấy có tuổi và đã yếu lắm, mỗi tháng cụ cũng từ Mọc ra thăm tôi một lần, trò chuyện về thiên hạ sự và dạy bảo tôi. Có được gần cụ, mới biết cụ là một tay thâm nho “phờ lếch⁵ không chịu được”, đúng là một thứ “cù không cười”, chuyện trò to nhỏ càng ngấm nghĩ càng buồn cười.

Cụ ưa nói nhiều chuyện tiểu lâm liên quan đến các sử nam, sử nữ và bọn quan liêu, thầy nho, thầy lại.

Còn Sơn Phong, tên thực là Bùi Đức Long, thì nguyên là một y sĩ, cũng cười theo cái lối Hì Đình, đương ngồi nói chuyện tử tế, nghiêm trang, tự nhiên để

5 nói tắt từ flegmatique : thản nhiên, tỉnh rụi. Tiếng Anh là phlegmatic.- Trần Công Khanh chú thích.

vào một chuyện cười rất xỏ xiên, kiểu “ông sư lên đàn mông sơn ỉa ra đây, vãi ra đây” mà chính cụ lại không nhếch mép. Không có gì làm cho cụ cười, có lẽ là vì chính đời tình ái của cụ đã là một cái... cười khổng lồ rồi chẳng ?

Nguyên cụ Sơn Phong Bùi Đức Long làm bạn với một cụ bà so với thời ấy thì được kể là “mô-đéc” nhất. Cụ bà ghen có tiếng, giằn vặt cụ ông đủ tình đủ tội, làm cho cụ ông ra ngoài pha trò vui tính thể mà về đến nhà thì mặt ủ mày chau, như phải trèo lên đỉnh núi Can Ve vậy.

Cụ Bùi đức Long tức quá, bèn tìm cách dĩ độc trị độc. “Ồ, bà mày đã hay ghen như thế, ta cho biết tay !” Bèn lấy ngay một bà hai, cho mà biết ! Bà hai là một người Thổ. Chẳng ngờ hai bà này lại “hợp quần thành sức mạnh” càng làm khổ cụ hơn, cấm đoán đủ mọi thứ. Cụ lại

“dĩ độc trị độc” nữa, lấy luôn một bà ba người Mường ! “Vợ cả, vợ hai, vợ ba. ba vợ cùng là vợ cả”. Cụ Long suy nghĩ lung, định “dĩ độc trị độc nữa” nhưng anh em vừa kịp ngăn cản lại :

– Anh mà dĩ độc trị độc nữa thì người chỉ còn bằng cái tằm, rồi ho lao mà chết !

Cụ Bùi Đức Long đành phải nghe lời bạn, đóng cửa lại, “nằm chuồng trâu” viết sách khảo cứu về hát chèo và lấy rượu và thuốc phiện làm thú khiển hưng trong những ngày tàn bóng xế.

Ngoài Hì Đình và Sơn Phong ra, trong bảng các cây cười tiền chiến, đàn anh của các thi sĩ hoạt kê trào phúng như Cuồng Sĩ Tạ Mạnh Khải, Tú Mỡ Hồ Trọng Hiếu, Đồ Phồn Bùi Huy Phồn và các Trạng như Trạng Mút, Trạng Hút, Trạng Hít và các Tú như Tú Phe, Tú Suýt,

v.v... chúng ta không thể quên được một cây cười nữa là Kim Xuyên Trần Vương, và Yên Sơn Nguyễn Đình Quế – tác giả nhiều tập văn cười do nhà Tân Dân (lúc ấy mới ra đời ở Hàng Bông Cửa Nam) xuất bản.

Thực ra, những cây cười tiền chiến kể ra như thế không đủ một phần nào, bởi vì trong mỗi nhà văn đứng đắn vẫn có một cây cười tiềm tàng ở bên trong. Ai đạo mạo bằng cụ phó bảng Hoàng Tăng Bí (tức là cụ thân ra ông Hoàng Minh Giám đã có một thời làm bộ trưởng văn hóa và bộ trưởng ngoại giao ở Bắc Việt)? Cụ nổi tiếng là nhà xã thuyết đạo đức nhất của báo Trung Bắc Tân Văn thời bấy giờ, ấy vậy mà cười cợt cũng vào hạng “không chê được”. Cụ có cái tính hay “đỡ” anh em. Gặp lúc trà dư tửu hậu,

gió mát trắng thanh, cụ đổ đồng đảo anh em :

– Tôi đổ ai mời tôi lên Đông Hưng Viên nhậm sà.

– Dạ, cái gì chứ cái ấy thì được quá. Mời cụ !

Nhậm sà xong, cụ lại đổ:

– Tôi đổ ai ra hàng Buồm mua biếu tôi một bao chè thật ngon.

Anh em lại nói :

– Dạ, vui long.

Xong rồi, cụ lại đổ :

– Tôi đổ ai dám mời tôi đi ăn một bữa cơm tây.

– Xin bằng lòng. Rước cụ đi ngay bây giờ.

Ăn cơm tây xong, cụ lại đỡ :

- Tôi đỡ ai thuê xe giờ cho tôi đi chơi.
- Tưởng là gì chứ cái ấy thì không khó.

Đi xe giờ đi chơi chán, cụ lại đỡ :

- Đố ai mời tôi đi nghe hát cô đầu !

Anh em lại xin vâng.

Hát một lúc, cụ lại đỡ :

- Tôi đỡ cụ nào bảo bà chủ vào quạt màn giải chiếu cho tôi !

Cụ Nguyễn Bá Tụng giờ tay :

- Tôi xin nhận câu đố ấy. Nhưng thưa cụ, cụ đố nhiều quá rồi, xin cho đỡ lại cụ một câu, chẳng biết cụ có cho phép hay không ?

– Sẵn lòng.

– Tôi đổ cụ nghe hát xong rồi, cụ dắt chúng tôi về nhà gặp cụ bà.

– Ô, để làm gì vậy ?

– Để đổ cụ có dám cho chúng tôi trình với cụ bà là cụ vừa nằm với Đào Huệ không ?

Tức thì cụ bảng Hoàng mất vui :

– Ấy, tưởng gì chứ cái ấy thì không nên. Để mai tôi mua hụi gấp trả lại hết tiền cho các ông, chứ các ông mà bảo bà nhà tôi như thế thì tôi chết bỏ bà nhà tôi!

VỮ BẮNG

Phạm Duy Tốn nhìn bởi...

DƯƠNG QUẢNG HÀM:

Phạm Duy Tốn (1883-1924): sau khi tốt nghiệp ở trường Thông-ngôn Hà-nội năm 1901, được bổ vào ngạch thông ngôn tòa sứ Bắc kỳ; được ít lâu, ông từ chức về viết báo và doanh nghiệp. Ông là một bậc kỳ cựu trong làng báo, từng giúp việc biên tập cho nhiều báo (như Đại Việt Tân báo, Đông-dương Tạp chí, Trung-bắc Tân-văn, Lục-tỉnh Tân-văn), có viết nhiều bài luận thuyết và sở trường về lối hài văn và đoán thiên tiểu thuyết.

(trong “Việt-nam Văn-học Sử-yếu”,
Bộ Giáo dục xb, Sài-gòn 1968, tr. 425)

NGUYỄN VĂN CỐN :

Phạm Duy Tốn (1883-1924). Sau khi tốt nghiệp ở trường Thông-ngôn Hà-nội năm 1901, ông được bổ vào ngạch thông ngôn tòa Sứ Bắc bộ. Được ít lâu, ông từ chức để viết báo và doanh nghiệp. Ông là một bậc lão thành trong làng báo, từng biên tập cho nhiều báo chí như: Đại Việt Tân-báo, Đông-dương Tạp chí, Trung Bắc Tân-văn, Lục-tỉnh Tân-văn. Những bài luận thuyết của ông thường do ở sự nhận xét về tập quán, hành vi xã hội mà ra. Về thời bấy giờ văn của ông được xem là xác thực, chắc chắn và dễ hiểu.

(...) Bài này (Sống chết mặc bay) so với các bài trên kia (của các tác giả khác, như: Trương Vĩnh Ký, Huỳnh Tịnh Của, Dương Bá Trạc, Phan Kế Bính...) đã tiến

bộ rất nhiều và có thể gọi được là một bài văn có giá trị.

Các đoạn về các câu rất rành rẽ, lại thêm sự nhận xét rất đúng, từ cách tả cảnh nước lụt cho đến cử chỉ của các nhân vật trong bài này.

Ta nhận thấy dưới thời đô hộ, một tên tri huyện oai quyền như một vị chúa tể và hà hiếp dân một cách dã man.

(trong “ Thi Văn Việt-nam, trích-lục và giảng-giải ”, Minh Tân xb, Paris, 1952, tr-tr. 224, 228)

VŨ NGỌC PHAN :

Phạm Duy Tồn có một lối văn linh hoạt hơn hẳn Nguyễn Bá Học, đem so văn với những nhà văn bây giờ, không

kém xa mấy tý. Vài ba truyện ngắn của ông đăng trong tạp chí Nam Phong, như “Sống chết mặc bay” (N.P. số 18, Décembre 1918) và “Con người Sở Khanh” (N.P. số 20, Février 1919) mà ngày nay nhiều người vẫn còn nhớ đến, đã được coi, trong một thời là những truyện tả chân tuyệt khéo.

Nhưng sự thật thì mấy truyện ngắn của Phạm Duy Tốn cũng vẫn chưa thoát ly được khuôn sáo cổ là cái lối nghị luận và cái lối xen những lời luân lý vào, làm cho cách kết cấu có vẻ thật thà và kém về nghệ thuật.

Hãy đọc đoạn này trong “Sống chết mặc bay !”:

“Ấy lũ con dân đang chân lấm tay bùn, trăm lo nghìn sợ, đem thân hèn yếu mà đối sức với mưa to nước lớn, để bảo

thủ lấy tính mạng gia tài ; thế thời nào quan cha mẹ ở đâu ?

Thưa rằng : Đang ở trong đình kia...

Đó thật là một thể nghị luận, một thể nghị luận bằng cách dàn hết các tài liệu ra, và đặt một câu hỏi, rồi tự đáp lại.

Tác giả còn có những câu phê bình như thế này nữa :

“Than ôi ! Cứ như các quan ngồi ung dung như vậy... thì đồ ai đảm bảo rằng...”
vân vân...

Một truyện đã gọi là tả chân mà còn xen những lời phê phán giảng giải như thế vào giữa những cảnh mình đang tả thì thiếu hẳn nghệ thuật, làm cho độc giả không còn có chỗ nào để suy nghĩ và phát biểu một vài cảm tưởng.

Vì nghệ thuật tả chân cần phải như thế nào ? Nếu theo lối của Guy de Maupassant là một tay cự phách trong văn tả chân nước Pháp, không những phải chú trọng đến hình thức trong văn chương còn phải để ý đến cả vật giới ở ngoài nữa. Trong sự vật, chỉ cái gì hiển nhiên, mắt trông thấy, tai nghe tiếng, mũi ngửi thấy, tay sờ thấy, mới là thực và mới đáng tả, còn ra những cái người ta cho là cao, là sâu thì không cần quan tâm đến.

Theo Guy de Maupassant, có cần gì phải đi tới những lý tưởng cao sâu. Tả một cảnh nghèo với hết cả mọi sự cùng khổ phơi bày ra trước mắt bởi cái nghèo, với hết cả mọi mùi đắng cay, làm cho người ta khó thở, với hết cả những tiếng đau thương do sự cùng khổ mà ra, với những vật nghèo nàn sờ đến phải ghê tay thì còn gì làm cho người ta cảm động

bằng. Hà tất phải những lời nghị luận, hà tất phải những lời, giảng giải, những lời phê bình lôi thôi ! Chỉ việc thôi, chỉ việc là tự nó, nó “nói” được nhiều.

Mà đã thế, không thể nào tả một cách quá đáng được. Đã đứng vào phương diện thiết thực, phải thiết thực hết sức.

Nhưng Phạm Duy Tốn đã không trọng sự thiết thực trong “Sống chết mặc bay !”

Chúng ta hãy đọc đoạn này :

«... Thốt nhiên một người nhà quê, mình mẩy lấm láp, quần áo ướt đầm, tất tả chạy xông vào, thở không ra lời :

... Bẩm quan lớn... Đê vỡ mất rồi !

Viên quan không những không lo sợ, đã quát mắng chán chê những kẻ

chung quanh, lại còn muốn đánh nốt hội tổ tôm :

Ngài quay mặt vào, lại hỏi thầy Đề :

– Thầy bốc quân gì thế ?

– Dạ, bầm con chưa bốc.

– Thì bốc, chứ !

Như vậy có họa là loạn óc mới nghĩ tới sự tiêu khiển, trong khi xảy ra một sự nguy hiểm đến cả địa vị, đến cả thân mình, và lại ở giữa một đám người nôn nao, hãi hùng, giữa những tiếng kêu gọi như trời long đất lở.

Trong “Con người Sở Khanh” của Phạm Duy Tốn lại còn viết lối văn rất cổ nữa, lối văn vè :

“ Thầy Ất đẹp trai, mặt mày nhẵn nhụi. Chàng vừa trạc tuổi thanh xuân :

hình dung chải chuốt, áo quần bánh bao.

Cô Giáp người mũm mĩm, trông cũng xinh xinh. Nàng đương xuân chỉ nhị đào ; rượu nồng dê béo, ai nào chẳng ưa ! ”

Và đoạn này nữa:

“... Ngày đêm đóng kín cửa lại, vợ chồng hú hí với nhau ! Loan ôm phượng, phượng bông loan. Miệt mài trong cuộc truy hoan; trai tơ gái nỡn, xuân đang mặn mà. Tha hồ vui chữ ‘nghi gia’”

Rồi ở đoạn kết, ông không quên thốt ra một giọng luân lý :

“Cách hai ba tháng sau, dò là mãi, quả nhiên biết rõ tin rằng : cậu sở ấy đồng mưu với một ả giang hồ, để lập cái kế tàn nhẫn này, mà lấy của và hại một đời người đàn bà dầu xanh tuổi trẻ. Xong rồi

hai đứa đem nhau sang đầu Xiêm Lào, để cùng vui hưởng cái của bất nhân bất nghĩa.”

Thật là vụng không khéo một tí nào. Không cần phải nói chàng Ất là cậu Sở, không cần phải bảo kể của chàng là một “kể tàn nhẫn” và không cần phải nói cho độc giả biết cái của mà chàng ta lấy là thứ của “bất nhân bất nghĩa” người ta cũng đã hiểu rồi. Nói thêm như thế, chỉ là thừa.

Truyện ngắn của Phạm Duy Tốn chỉ mới là những truyện thoát ly hẳn được cái khuôn sáo của truyện Tàu, chưa thể coi là những đoạn thiên tiểu thuyết tả chân được.

Sau ông hơn mười năm, tiểu thuyết tả chân mới bắt đầu nảy nở ở nước ta ; những truyện ngắn của ông tuy có cao

hơn những truyện ngắn của Nguyễn Bá Học một bậc, nhưng cũng chỉ là hạng đoản thiên tiểu thuyết luân lý, cách kết cấu còn lắm điều khuyết điểm làm cho nhiều khi đọc đoạn trên người ta đã đoán được đoạn dưới. Nhưng người ta cũng không thể quên ông là người đã viết truyện ngắn theo lối Âu Tây trước nhất. Như vậy, người ta cũng có thể nói : Phạm Duy Tồn là một nhà tiểu thuyết đi vào đường mới trước nhất và những truyện ngắn của ông là thứ văn chương đã đánh dấu một quãng đường văn học của nước nhà.

(trích Nhà văn hiện đại, bản in
Thăng Long, Sài-gòn 1960, tr-tr 135-
138)

THANH LÃNG :

Phạm Duy Tốn (1883-1924)

(phong trào tiểu thuyết thế hệ 1913)

Phạm Duy Tốn tốt nghiệp Trường Thông-ngôn Hà nội năm 1918 và được bổ vào ngạch Thông ngôn tòa Sứ Bắc kỳ. Nhưng ít lâu sau, ông từ chức, quay ra doanh nghiệp, nhất là chú tâm vào nghề viết văn. Ông đã từng trợ bút cho nhiều báo chí như Lục-tĩnh Tân-văn, Đại Việt Tân-báo, Đông-dương Tạp chí, Trung Bắc Tân-văn, Nam Phong Tạp chí. Ông có viết nhiều bài luận thuyết nhưng sở trường nhất về lối đoản thiên tiểu thuyết và ngày nay người ta còn nhắc đến tên tuổi của ông cũng là nhờ vào những truyện ngắn kia vậy.

Ta đã có lần gọi ông Nguyễn Bá Học

là ông tổ của phong trào tiểu thuyết, nhưng thực ra chính Phạm Duy Tồn mới quả là người khai mở đầu tiên cho lịch sử tiểu thuyết tại Việt Nam. Đang khi Nguyễn Bá Học muốn là người của thế hệ, giữ vai trò trung gian, điều hòa hai lớp người mới, cũ, liên kết hai quan niệm nghệ thuật mới và cũ, Đông và Tây, thì Phạm Duy Tồn muốn phá vỡ để tiến. Mà thực Phạm Duy Tồn đã mới hoàn toàn trong công cuộc xây dựng các truyện của ông. Cùng chung với thế hệ của ông, Phạm Duy Tồn có lẽ chỉ còn giữ lại có cái chủ trương luân lý răn đời, còn ngoài ra ông đã có một nghệ thuật mới hoàn toàn, mới và đẹp hơn nhiều truyện của Nguyễn Tường Tam xuất bản sau đấy mười mấy năm trong tập Người quay tơ của ông.

Ta có thể kể ra đây mấy truyện của Phạm Duy Tốn như:

- Sống chết mặc bay, N.P. số 18.
- Con người Sở Khanh, N.P. số 20.
- Nước đời lắm nỗi, N.P. số 23.

Muốn ước lượng vai trò của Phạm Duy Tốn chúng ta cần biết rằng : trước Phạm Duy Tốn, ngoài những truyện dịch của ngoại quốc, văn học Việt nam chưa có thể tài truyện ngắn hay truyện dài sáng tác bằng văn xuôi. Đặt những truyện của Nguyễn Bá Học bên những truyện cổ điển, chúng ta còn nhận ra nhiều tính cách liên lạc giữa hai thể tài, chủ lấy một truyện của Phạm Duy Tốn đem đặt cạnh một truyện cổ điển, ta thấy có một sự ly dị, một sự gián cách đột ngột, bất ngờ cả về mặt tư tưởng lẫn nghệ thuật.

– Về mặt tư tưởng, nếu nhà văn cổ điển đòi hỏi con người ta phải thuận chiều theo xã hội, theo tập tục, theo giai cấp, theo tôn ti, thì Phạm Duy Tốn là người bất mãn, căm hờn nó, muốn đập vỡ cái hiện tại mà ông cho là thối nát.

– Phạm Duy Tốn vì thế, có một xu hướng xã hội rõ rệt: ông đứng về phía những người yếu đuối, bị bóc lột; ông đứng về phe ông cụ già kéo xe để chống lại cái bà phì nộn ngồi trên xe, ông bênh vực bọn dân đen sống nheo nhóc trên bờ đê Yên-phụ để phản đối thái độ vô nhân đạo của bọn quan lại ngồi trong sòng bạc.

– Tất cả nghệ thuật của Phạm Duy Tốn vẽ nên những bức tranh xã hội đau thương. Mà là cái đau thương đó không phải ở những lời lẽ xót xa, những tiếng kêu than thống thiết mà bao giờ cũng có

cái tính cách tương phản nhau giữa hai thực tại mĩa nhau, rửa nhau, xung đột nhau. Đọc những truyện như Sống chết mặc bay hay Câu chuyện thương tâm, ta nhận thấy ngay điều ấy. Còn gì mĩa mai, đau đớn hơn cái cảnh nước cuốn phăng con đê làm trôi nhà cửa, gà, chó, trâu bò và có lẽ cả người ta nữa đặt bên cạnh cái quan phụ mẫu “sung sướng vỗ tay xuống sập kêu to” :

– Đây rồi !... Thế chứ lại !

Rồi ngài vội vàng xoè bài, miệng vừa cười vừa nói :

– Ủ, thông tôm, chi chi nấy !... Điều may !

Cái cảnh bức tranh kéo xe cũng không kém vẻ thương tâm, một bên là ông lão già ngoại sáu mươi tuổi “gây

gò yếu đuối, khăng kheo, có công dùng sức kéo miết cái xe tay mà không sao đi nhích được”, bên kia là cái xe “chồng chất hai bồ nghe chùng đã nặng, lại còn một mụ vắt vẻo ngựa ở trong xe. Người kéo đà chẳng nổi, mà mụ thì mĩa mai nặng lời xỉ vả.”

– Phạm Duy Tốn nghệ thuật hơn Nguyễn Bá Học ở chỗ ông giấu giếm chủ trương luân lý một cách kín đáo : thái độ của Nguyễn Bá Học là thái độ trịnh trọng của một nhà giáo, ngồi từ sập cao để mà phán dạy, còn tác phong của Phạm Duy Tốn là của một nhà nghệ sĩ lấy cái cười chua chát, mĩa mai để mà sửa dạy xã hội.

Nhưng cuộc cách mệnh lớn lao nhất của Phạm Duy Tốn là nghệ thuật tả chân. Phần nhiều các nhà văn đương thời như Nguyễn Trọng Thuật, Phan Kế Bính, Nguyễn Bá Học, Tản Đà.... đều

là viết truyện dưới hình thức lý tưởng, nghị luận, Phạm Duy Tốn chủ trương tả thực : ông tả thực trong cách chọn đề tài trong đời sống hàng ngày, trong những tình tiết hay biến cố mà ông đã có dịp quan sát tỉ mỉ. Phải có óc quan sát tinh vi và óc tả thực như ông mới có thể diễn được tấn tuồng ván tổ tôm trên bờ đề sắp võ một cách nhanh chai, linh hoạt, sống động. Những câu thưa, câu hỏi, vắn tắt, dồn dập, cụt ngủn... tả được cái hăng hái, vui vẻ của một cuộc chơi hào hứng. Cũng phải có cái nhìn sâu sắc lắm mới tả được ông già kéo xe một cách đau đớn như trong truyện *Bực mình*⁶ “Miệng nói thế, tay bỏ nón ra chùi trán mồ hôi đầm đìa. Khi bấy giờ, tôi mới nhìn ra thì là ông lão đầu râu tóc bạc. (...) Ông lão nhân tôi. Anh ơi, ông lão nhìn tôi, hai con mắt

6 Có lẽ tác giả dẫn nhầm. Câu này ở trong truyện “Câu chuyện thương tâm”. Nhiều chỗ in sai trong đoạn văn trích dẫn, chúng tôi cũng đã sửa lại theo nguyên bản.

ông, trông mờ mờ, hình như ruột nhẵn, nước chảy chứa chan, mà chung quanh vành thì đỏ hồng.”

Trong các truyện cổ xưa kia, nhà văn không bao giờ chọn một vai truyện bất tiện để mà tả bao giờ, nhất là tả một cách tỉ mỉ như vậy. Phạm Duy Tốn đã đưa vào tác phẩm của ông toàn hạng người lam lũ mà ông muốn người đọc phải yêu mến.

(trong “Bảng lược đồ văn học Việt Nam”, quyển hạ, Trình Bày xh, Sài gòn 1967, tr-tr 493-496)

Thiên Tướng

“Tiểu lâm quảng ký” của Thọ An Phạm Duy Tồn

Sau khi giúp việc cho mấy tờ báo trong Nam như “Nông cổ Mìn đàm”, “Đông Pháp Thời báo”, cụ Phạm Duy Tồn trở ra Hà-nội và cuốn sách đầu tiên cụ cho xuất bản ở đó là “Tiểu Lâm Quảng Ký”.

Tại sao lại là “Tiểu Lâm Quảng Ký” ? Quảng là rộng, Ký là ghi chép. “Tiểu Lâm Quảng Ký” là ghi chép rộng rãi những

chuyện vui cười. Hiểu theo nghĩa đó thì những chuyện vui cười trong sách không phải do ông sáng tác, mà ông chỉ là người ghi chép lại những truyện vui cười đã được nghe thấy truyền khẩu trong dân gian.

Sách “Tiểu Lâm Quảng Ký” nguyên thủy chia ra làm ba tập chức số Tập I, Tập II, Tập III, in khổ 10×15 . Có một điểm đặc biệt đáng ghi hồi in sách đó (khoảng 1925, 26) : lúc ấy người Pháp nắm chủ quyền ở Đông-dương, sách in rồi chỉ đưa nạp bản, chớ không có kiểm duyệt, nên từ đầu đến cuối, cả ba tập đều không bị kiểm duyệt cắt xén một dòng, một chữ nào, thành thử người đọc xem thật “đã”.

Nhà xuất bản đầu tiên là nhà Ích Ký, ở phố Hàng Giầy, ngay chợ Đồng-xuân đi lên, ở phố Hàng Khoai rẽ ra một chút.

Sách bán rất chạy, tái bản nhiều lần. Thấy thế, nhà xuất bản Quảng Thịnh ở phố Hàng Gai điều đình mua lại bản quyền và theo chỗ biết chính xác của tôi thì mỗi năm in lại một lần có khi in lại hai lần – mà lần nào cũng từ 10.000 đến 30.000 cuốn, bán đi khắp các tỉnh ở Đông-dương, không một tỉnh lỵ quận huyện nào không có.

“Tiểu lâm Quảng ký” tổng hợp lại, ghi chừng một trăm truyện, truyện nào cũng viết ngắn, không quá hai trang 10 x 15 với một giọng văn giản dị, bình dân hết sức, mà dí dỏm duyên dáng lạ lùng. Tiếc rằng vì chiến tranh, các thư viện ở đây không còn mấy cuốn đó nữa, kể cả Tổng thư viện trong Chợ Lớn, mà chỉ còn những cuốn “Tiểu lâm Việt nam” do nhà Văn Hồng Thịnh xuất bản ở Hà-nội và “Tiểu lâm Việt nam” xuất bản ở

Sài-gòn. Đã đành những chuyện tiểu lâm ghi trong những cuốn “Tiểu lâm” và “Tiểu lâm Việt nam” cũng thoát thai từ ba tập “Tiểu lâm Quảng ký” nhưng các sách này viết với một lối văn tương đối dài dòng hơn, kém duyên dáng nhiều ; nhưng chúng tôi cũng cố gạn lọc lấy một vài truyện tiểu lâm thuật theo ba tập “Tiểu Lâm Quảng Ký” giới thiệu với bạn đọc, trước là để giải trí mà sau là để biết quan niệm cái cười của Phạm Duy Tồn qua sự chọn lọc các chuyện tiểu lâm mà cụ đã thu thập được.

1. Lưu thầy ở lại

Một ông đồ dạy học ở nhà kia, đêm đến, cửa ngõ đóng ca73n thật lắm, mà lại nuôi nhiều chó dữ. Ban ngày, thầy đã xơi nhiều món ăn độc, đêm đau bụng

đi ỉa chảy, không biết làm thế nào được; thầy nghĩ mãi, bưng ngay cái cháp đựng sách vở... tống cả một đồng vào trong đó.

Sáng dậy, thầy cấp cháp thực sớm để đem đồ của dơ đi nơi khác, kéo không mùi hôi thối xông lên nồng nực trong nhà thì có điều hơi bất tiện.

Không ngờ ngày hôm trước, giữa chủ nhà và thầy đồ có điều xích mích nhau. Thấy mới sáng ra thầy đã cấp cháp đi, nhà chủ tưởng là thầy giận, thầy bỏ, không chịu ở lại dạy học, cố hết sức năn nỉ thầy ở lại. Thầy thì sợ đứng lâu, mùi thối ở trong cháp xông ra; nhà chủ thì lại sợ thầy giận thầy đi mất, vì thế một bên cố năn nèo, một bên thì cứ vùng vằng đi. Thấy thế, nhà chủ lại càng tưởng thầy giận, bèn nói:

– Ở thị thầy bỏ thầy đi trong chốc

lát, vậy thì thầy để chấp lại đây.

Thầy không chịu ; chủ nhà cố giữ riết lấy chấp của thầy mà thầy thì không chịu bỏ. Bên lôi đi, bên kéo lại, tuột tay một cái, chấp rớt xuống đất và bao nhiêu “của thừa” vung té cả ra trên mặt đất, làm cho người chung quanh bịt mũi không kịp.

Thẹn quá, thầy làm mặt giận, vùng vằng bảo :

– Thì đã bảo mà ! Giữ mãi ! Đấy, cho giữ để mà làm của !

2. Thơ con cóc

Có ba anh học trò nọ thường tụ phụ là thơ hay vẫn thường than thở với nhau sợ chết non vì “mạng tài tương đồ”.

Một hôm, cả ba cùng đi với một tên

tiểu đồng vào vãng cảnh chùa kia. Dở rượu ra uống, ba thầy xúc cảnh sinh tình, muốn làm thơ thì vừa vắn có một con cóc nhảy ra:

Thầy thứ nhất xuất khẩu :

Con cóc nhảy ra

Thầy thứ hai :

Con cóc nhảy vô

Thầy thứ ba :

Con cóc ngồi đó

Tên tiểu đồng cũng xin lạm phần một câu:

Con cóc nhảy đi.

Rồi cả ba thầy cũng lăn ra khóc, sợ thơ mình hay như thế thì trời đất ghen ghét bắt chết non. Họ cùng sai tên tiểu

đồng mua ba cái quan tài để sẵn ngộ có chết thì có cái mà chôn, và không quên bảo tiểu đồng mua một cái áo quan thứ tư cho nó, vì thơ nó cũng hay, sợ cũng cùng chung số phận.

Vừa lúc đó, sư cụ trong chùa nghe thấy chuyện như thế cũng móc túi lấy tiền đưa cho tên tiểu đồng :

– Mày mua cho tao một cái quan tài thứ năm.

– ?...

– Là vì tao có lời nguyện : “Ở đời, ông mà thấy đứa nào dốt hơn ông thì ông xin chết”. Bây giờ, việc đó hiển nhiên rồi, tao còn sống làm sao được ?

3. Chẳng phải tay ông

Có anh kia sợ vợ lắm, một hôm trời mưa vợ đi ra đồng, anh ta không kịp cất quần cho vợ, bị mưa ướt sạch.

Vợ về thấy thế đánh cho anh ta một trận và mắng chửi rúc xương. Anh hàng xóm bên này thấy thế nói đồng:

– Chẳng phải tay ông!

Bất ngờ vợ anh hàng xóm cũng không phải tay vừa mà anh này cũng vào cái hạng sợ vợ ghê gớm. Vợ anh ta thấy anh ta nói “chẳng phải tay ông” sẵn số lại gần anh mà hỏi :

– Chẳng phải tay ông thì ông làm gì ?

– Thì ông cất cái quần đi trước khi trời mưa chớ còn làm sao !?

4. Thôi đừng nói nữa

Có một cợn chó bị người ta giết thịt, xuống âm phủ phải vào châu Diêm Vương.

Diêm Vương bên hỏi :

– Chó ở trên trần mày mắc tội gì mà người ta giết thịt ?

– Dạ, không biết. Chỉ biết con đương đứng thì người ta cầm búa đập đánh chết một cái vào đầu con.

– Thế rồi sao ?

– Thế rồi người ta cho con vào nồi luộc, cạo lông trắng phau phau.

– Rồi làm sao nữa?

– Làm lông rồi, người ta cho con vào lửa thui vàng nhừ, mổ bụng, rửa cần

thận, lấy lòng con làm dồi nướng lên thơm phưng phức. Thịt con, họ nướng chả thơm điếc mũi, nấu dựa mặn, xương sườn, thăn đem xào lăn béo ngậy, cho thêm răm, hành, tỏi... Gan con, họ bọc mỡ xào lên...

Diêm Vương giờ tay xua và bảo :

– Thôi, mày đừng nói nữa, tao thèm quá !

5. Lại chuyện anh sợ vợ

Anh kia sợ vợ có tiếng ở trong làng, nhưng hay làm phách trước mặt mọi người. Một hôm, không biết tại sao, anh ta làm cho vợ giận. Trước mặt mọi người, anh ta làm ra cái giọng oai vệ mắng vợ :

– Mặt mày sưng sứa lên trông như mặt...

Người vợ ngượng quá, xông lại túm ngay lấy anh ta mà hỏi :

– Mày bảo mặt tao như mặt gì ? Nói nhanh lên, tao đâm cho một nhát bây giờ.

Anh ta hạ giọng liền :

– Thì “nhà” làm gì mà tức giận thế !
Tao bảo mặt mày trông như... mặt trời !

6. Cho xin bát nước lạnh

Một nhà kia mời khách ăn cơm. Trong các khách khứa, có một ông không có đĩa, nhà chủ quên không dọn.

Ông khách ngồi im, mãi không thấy đĩa đưa lên, mà chung quanh người ta ăn như tằm ăn rỗi, bên gọi chủ nhà khẽ bảo :

– Cho tôi bát nước lạnh.

Chủ nhà hỏi :

– Ủa, chứ lấy nước lạnh làm gì ?

– Để tôi rửa tay cho sạch, tôi ăn bốc !

7. Cái tên

Ở Bắc Việt, có cái tục đặt cho con những cái tên rất xấu vì các bậc cha mẹ tin rằng đặt tên cho con càng xấu, càng dơ thì tử thần chê, do đó thằng bé không chết yếu. Vì thế có nhà đặt tên con trai là thằng Cu, thằng Cò, thằng Cút và đặt tên con gái là con Hĩm, cái Chồn, cái Đái.

Vì thế mới có câu chuyện sau đây.
Một ông bố gọi con :

– Cút ơi, về ăn cơm.

Thằng Cút đi vắng, em nó đứng chờ ở gần đó trả lời :

– Anh Cút còn đi ỉa !

8. Phải khoan thai

Có một anh kia, nuôi một tên đầy tớ ăn nói láu táu lắm.

Anh ta thường mắng nó “chưa đặt đít đã đặt mồm » và khuyên nó phải ăn nói khoan thai, từ tốn, nói có trước có sau, có đầu có đuôi.

Một hôm, anh ta ngồi cạnh lò than hồng, uống rượu. Tên đầy tớ đi vào, hốt hoảng toan kêu lên nhưng chợt nhớ lời thầy dạy bên khoan thai khoanh tay lại, chậm rãi nói :

– Thưa thầy, con tắm nó nhả tơ, tơ

nó kéo thành kén, người ta ươm tơ... tơ người ta dệt lụa, dệt lụa xong đem bán... Thày ra chợ, thày mua, đem về đưa cho thợ may, thợ may đo cho thày, may thành áo, thày lấy về thày mặc. Thày mặc vào, thày ngồi bên lò sưởi uống rượu, lửa bén vào áo thày, lan ra mãi, sắp cháy hết cả áo kia kìa !

Anh chủ giấy nẩy lên, xem lại áo thì đã thấy cháy gần hết cái tà. Bèn đứng dậy mắng chửi tên đầy tớ. Nó bảo:

– Đó, thày xem. Thày nóng quá mà nói năng lại lâu tấu, không ra gì. Phải từ tốn, khoan thai mới được !

9. Rằm thơm

Có anh kia nhìn quan nổi tiếng, cái gì của quan cũng khen là đẹp, là giỏi.

Một hôm, đương ngồi hầu quan, chợt quan buột ra một cái “búm”. Anh ta vội khoanh tay lại vọt một cái, đưa lên mũi ngửi rồi khen :

– Chà chà, rằm của quan thơm quá.

Tưởng khen như thế là quan bằng lòng, không ngờ quan lại rầu rầu nét mặt mà nói :

– Ta thường nghe nói phàm ăn cao lương mỹ vị vào trong bụng thì nó tiêu đi, qua ruột qua gan, lọc đi lọc lại thì thối mới phải. Nay rằm ta lại thơm, chắc là điếm không hay, ta sợ rằng ta chết mất.

Anh nịnh thấy quan nói thế sợ quá, bèn khom tay lại, vọt luôn một cái thứ hai trong không khí, đưa lên mũi khịt khịt mấy cái:

– À, bây giờ rằm của quan lại thối rồi !

10. Tao tưởng là...

Ngày xưa, có một cặp vợ chồng quê, tính thích hay ăn vụng. Một hôm, người vợ đi làm ở ngoài đồng về, trông thấy trong bếp có nồi xôi đậu chín tới. Đang đói bụng, chị ta bốc ngay một nắm định ăn vụng thì vừa vụng người chồng về.

Sợ chồng biết, chị ta bèn đứng vào trong xó cửa để ăn. Nào ngờ chị ta chưa ăn hết nửa nắm thì người chồng cũng vào bếp, lại gặp ngay nồi xôi thơm phức, anh ta muốn ăn lắm, nhưng sợ vợ biết, anh trông chung quanh để tìm chỗ đứng ăn vụng.

Nhà chật, chỉ có cái xó cửa vừa tối,

vừa kín đáo nhất, anh ta bên bốc ngay một nắm xôi mang vào đó để ăn. Nào ngờ vừa mở cánh cửa ra thì gặp vợ đang ngốn xôi. Anh hốt hoảng kêu lên :

– Ô kìa, u mày đấy à ?

Trông thấy vợ nhồm nhoàm xôi ở trong miệng, anh ta nhanh trí, nói tiếp :

– Tao tưởng u mày ăn hết rồi, nên mang thêm cho một nắm nữa đây này.

11. Anh kẻ noi làm thơ huê tình

Một cô con gái nhà quan, kén chồng mà lại có tính thích thơ nôm. Anh kẻ Noi [Dân kẻ Noi ở Bắc chuyên làm nghề gánh phân.] gánh phân đi qua, thấy cô ta đứng cửa, mới làm thơ ve – thơ nôm mà mỗi câu lại có một chữ nho – đọc rằng :

*Huynh nay chẳng phải đứa bồng bồng,
Và lại trong nhà túc bát cơm,
Trong bếp lam nham tam chính mắt,
Ngoài sân lúc nhúc lục cây rơm.
Trông thấy cô mình, anh cũng dục
Đêm nằm mơ ngủ tiểu ra đờm.*

12. Kém gì Lý Bạch

Có một ông quan võ kia thích làm thơ nôm. Ở bên cạnh, có một bác chỉ khéo hót ả. Ông quan võ làm được bài thơ nào thường gọi nó sang, đọc cho nghe. Nó tán tụng khen hay, thì lại cho nó ả.

Một hôm, ông cho gọi nó sang đánh chén. Lúc ả, ông ta nói rằng :

– Tôi mới dựng một cái chuồng chim bồ câu ở sau vườn. Nhân nghĩ được một bài thơ tứ tuyệt hay lắm, đọc thử bác nghe, xem có được không.

– Dạ, xin ngài cứ đọc.

Ông quan võ gật gù đọc rằng :

Bốn cọc chênh vênh đứng giữa trời

Khi thì bay bổng, lúc bay khơi.

Ngày sau hẳn để ra con châu

Nướng chả băm viên đánh chén chơi.

Bác kia nức nở khen rằng :

– Hay lắm. Xin ngài đọc lại từng câu một cho con nghe.

Bốn cọc chênh vênh đứng giữa trời

– Hay. Con nghiệm về sau này ngài làm đến tứ trụ.

Khi thì bay bổng lúc bay khơi

– Ngài còn thăng quan tiến chức
chưa biết đến đâu,

Ngày sau hẳn đẻ ra con cháu

– Con cháu ngài còn vô số. Đa lộc lại
đa đình.

Nướng chả băm viên dành chén chơi

– Hay quá! Hậu vận ngài tha hồ mà
tốt. Phú quý, lại nhàn !

Ông quan võ lỗ mũi nở bằng cái
thúng.

Rung đùi, vuốt râu, lấy làm đắc chí.
Rót rượu mời anh kia rồi nói rằng :

– Thơ tôi lắm câu cũng tự nhiên. Bây
giờ nhân cuộc vui, tôi thử làm chơi một
bài tức cảnh, xem thế nào nhé.

– Bẩm vâng.

Ông quan võ nhìn chung quanh thấy con chó, làm thơ rằng :

Chẳng phải voi mà chẳng phải trâu,

Ấy là con chó cắn gâu gâu.

Khi nằm với vợ thì lại đứng,

Cả đời không ăn một miếng trâu.

Anh kia gật đầu khen chí chết. Hai người rót rượu ra mời nhau uống. Rồi anh kia xin họa theo. Ông quan võ ưng. Anh nọ ngồi nghĩ một lát, đọc lên rằng :

*Quanh quanh đường dít lại đường
đầu*

Hễ thấy ai vào cắn gâu gâu.

Ăn hết của thơm cùng của thối,

Trăm năm chẳng được chén trà tàu !

13. Ăn rồi

Có một anh sợ vợ lắm, lại lấy vợ lẽ. Vợ cả canh chừng rất ngặt, anh không thể nào vào được với vợ lẽ, vẫn lấy làm rầu rĩ lắm.

Một hôm, nhân vợ cả đi xa về ngủ mệt, anh ta chui qua chõng của vợ cả nằm, sang tò mò với vợ lẽ. Nhưng rủi chưa làm được trò gì thì vợ cả thức giấc, chầm đèn lên đi tìm chồng.

Sợ hết hồn, anh chồng chui ngay xuống gầm giường vợ lẽ, ngồi thu hình dưới đó. Vợ cả trông thấy, quát :

– Ở kia, ngồi làm gì đó hở thằng cha kia ?

Không biết làm thế nào, anh chồng đáp :

- Ngồi ỉa, chờ còn làm gì nữa ?
- Ỉa thì cút đâu ?
- Cút, ông ăn rồi !

14. Vỡ vò rượu

Có một ông kia ở xa đến thăm một người bạn lâu ngày không gặp. Chắc mẩm thế nào lâu ngày mới gặp nhau thì ông bạn cũng phải lấy rượu ra thết mình ; bất ngờ ông bạn lại đi vắng, ở nhà chỉ có vợ bạn thôi. Vì thế, chẳng thấy rượu chè gì cả, chỉ có cơm thôi.

Đến tối đi ngủ, anh nằm một giường, vợ bạn nằm giường bên, chỉ cách nhau có một tấm liếp. Nửa đêm, bà kia mót đi đại, trở dậy, đại vào một cái chậu. Vì có khách bà phải đại chậm chậm, nho nhỏ.

Anh bên này, lắng tai nghe, tẩm tắc khen:

– Ồ, có thể chứ ! Người đàn bà chu đáo, dù chồng đi vắng, cũng phải lo rượu cho bạn chồng nhậu nhẹt, chớ không lẽ mai này cũng lại ăn cơm xuông.

Thì ra anh ta tưởng vợ bạn đương đổ rượu từ bình nọ sang bình kia. Anh ta tưởng tượng rượu ngon đến chừng nào, chếp miệng, nuốt nước bọt và lẩm bẩm khen :

– Ngon ! Rượu này hẳn phải ngon ! Phải chiết từ từ, không có đổ ra ngoài thì phí của.

Bà bên cạnh, nghe thấy nín cười không được, bật cười to lên. Không giữ được nữa, đái ồ ồ. Anh bên này, tưởng là vỡ hũ rượu, đập vào đùi đánh đét một cái mà kêu :

– Thế có phí của không ? Làm thế nào mà vỡ mất hũ rượu rồi, mai lấy gì mà uống?

15. Tại mày dốt quá

Có một ông đồ dạy học ở nhà kia vẫn có tính tự phụ mình hay chữ. Xảy hôm đó, nhà chủ có kỵ, mời một ông thầy cúng đến làm lễ. Đến lúc đọc sớ, tên gia chủ là Nguyễn thị Bất, ông thầy cùng đọc tên là Nguyễn thị Hạ.

Ông đồ nghe thấy đọc sớ như thế, tức lắm, nhưng để bụng mà không làm gì được. Đến tối, ông đồ vì ăn chè nấu hũ, đau bụng muốn đi tiêu. Chết một nỗi là nhà có chó dữ, không thể mở cửa đi ra ngoài được. Ông đồ không biết làm ăn thế nào, tương kế tựu kế lần ra chỗ

ông thầy cũng nằm ngủ, vạch quần anh thầy cúng, ỉa luôn vào đít anh thầy cúng. Không may lại lằm đít ra mồm. Râu ria mồm miệng anh thầy cũng nhoe nhoét cứt, anh ta vùng dậy chửi om:

– Tiên nhân con mẹ mày, sao mày lại ỉa vào mồm tao.

– Chính ông định ỉa vào đít mày, nhưng bởi vì mày dốt quá, ông ỉa vào mồm mày đấy !

✱

Đọc qua những truyện trên đây, bạn đọc hẳn đã thấy thú vị ra sao. Chúng tôi cũng muốn tường thuật thêm ít chuyện nữa – những truyện thú vị hơn, mặn mà hơn – nhưng tình thế không cho phép là vì lúc này không như trước, chiến tranh làm cho con người đạo đức hơn cả lúc nào

hết, do đó lưỡi kéo của bà kiểm duyệt lúc nào cũng sẵn sàng cắt xén những đoạn hay những truyện có hại cho... thuần phong mỹ tục,

Trong tất cả những chuyện không tưởng thuật đó, riêng chúng tôi thấy có những chuyện “mặn” không chịu được, cười không chê được, như “Con mắt dọc” tả một ông lang đánh màng cho người đàn bà đau mắt, chuyện “Úm ba la ba ta cùng khỏi” nói về chuyện cô ả mắc kẹt quả chuối mời thầy cúng đến nhà làm lễ, chuyện “Ném của quý xuống ao” nói về một cô gặp một anh chồng ghen lúc nào cũng đi kè kè bên cạnh để canh “của nợ” ...

✱

Đạo đức cũng hay hay, nhưng vì đạo đức quá mà lúc này chúng ta không được đọc xả lảng những truyện tiểu lâm của Thọ An Phạm Duy Tốn sưu tập, âu cũng là điều đáng tiếc.

THIÊN TƯỚNG

ĐÃ PHÁT HÀNH:

VÒNG ĐAI XANH

tiểu thuyết mới

của

NGÔ THẾ VINH

Ba truyện ngắn tiêu biểu của Phạm Duy Tốn

SỐNG CHẾT MẶC BAY

Gần một giờ đêm. Trời mưa tầm tã. Nước sông Nhị-hà lên to quá; khúc đê làng X... thuộc phủ X... xem chừng núng thế lắm, không khéo thì vỡ mất.

Dân phu kể hàng trăm nghìn con người, từ chiều đến giờ hết sức gìn giữ, kẻ thì thuổng, người thì cuốc, kẻ đội đất, kẻ vác tre, nào đắp, nào cừ, bì bơm dưới bùn lầy, ngập quá khuỷu chân, người nào

người ấy, lướt thướt như chuột lột. Tình cảnh này trông thật là thảm.

Tuy trống đánh liên thanh, ốc thổi vô hồi, tiếng người xao xác, gọi nhau sang hộ, nhưng xem chừng ai ai cũng đã mệt lử cả rồi. Ấy vậy mà trên trời thời mưa vẫn tầm tã trút xuống, dưới sông thời nước cuộn cuộn bốc lên. Than ôi ! Sức người khó mà địch nổi với sức trời ! Thế dê không sao cự lại với thế nước ! Lo thay ! Nguy thay ! Khúc dê này hỏng mất.

Ấy, lũ con dân đang chân lấm tay bùn, trăm lo nghìn sợ, đem thân hèn yếu mà đối với sức mưa to gió lớn để bảo thủ lấy tánh mạng, gia tài ! Thế thời quan cha mẹ ở đâu ?

Thưa rằng : Đang ở trong đình kia, cách đó chừng bốn năm trăm thước.

Đình ấy cũng ở trên mặt đê, nhưng cao mà vững chãi, dầu nước to thế nào cũng không việc gì.

Trong đình đèn thấp sáng chung ; nha lệ, lính tráng, kẻ hầu người hạ, đi lại rộn ràng. Trên sập mới kê ở gian giữa, có một mình quan phụ mẫu, uy nghi chễm chệ ngồi. Xung quanh sập bắc bốn ghế mây, bắt đầu từ phía hữu quan, thì có thầy đề, rồi lần lượt đến thầy đội nhất, thầy thông nhì, sau hết giáp phía tay tả ngài, thì đến chánh tổng sở tại cùng ngồi hầu bài.

Ngoài kia tuy gió mưa âm ẩm, dân phu rối rít : nhưng trong này xem chừng tĩnh mịch, nghiêm trang lắm, trừ quan phụ mẫu ra mọi người không ai dám to tiếng. So với cái cảnh trăm họ đang vất vả lấm láp, gọi gió tắm mưa, như đàn sâu lũ kiến ở trên đê, thì ở trong đình rất là

nhàn nhã, đường bộ, nguy nga; nào quan trên, nào nha ngồi dưới; người nhà, lính lệ khoanh tay sắp hàng, nghi vệ tôn nghiêm như thần như thánh. Thỉnh thoảng nghe tiếng quan phụ mẫu gọi : “Điếu, mày !” , tiếng tên lính thưa : “Dạ”; tiếng thầy đề hỏi : “Bẩm, bốc ?”, tiếng quan lớn truyền : “Ừ”. Kẻ này : “Bát sách... Ăn”. Người kia : “Thất văn... Phỗng”. Lúc mau, lúc khoan, ung dung êm ái, khi cười, khi nói, vui vẻ dịu dàng. Thật là tôn kính, xứng đáng với một vì phúc tinh.

Khi đó, ván bài quan đã chờ rồi. Ngài xơi bát yến vừa xong, ngồi khểnh vuốt râu, rung đùi, mắt đang mãi trông đĩa nọc, bỗng nghe ngoài xa, tiếng vang trời dậy đất. Mọi người đều giật nảy mình, duy quan vẫn điềm nhiên, chỉ lăm le chực người ta bốc trúng quân mình chờ mà hạ. Vì ngài sắp ù to.

Có người khẽ nói:

– Bẩm, đê có khi vỡ !

Ngài cau mặt gắt rằng:

– Mặc kệ !

Rồi ngài xếp bài lại, quay gối dựa bên tay phải, nghiêng mình, bảo thầy đề lại :

– Có ăn không thì bốc chứ !

Thầy đề vội vàng :

– Dạ, bẩm bốc.

Vừa lúc đó, thì tiếng người kêu rầm rĩ, càng nghe càng lớn. Lại có tiếng ào ào như thác chảy xiết ; rồi lại có tiếng gà, chó, trâu, bò kêu vang tứ phía.

Bấy giờ ai nấy ở trong đình đều nôn nao sợ hãi. Thốt nhiên một người nhà

quê, mình mấy lăm lăm, tất tả chạy vào, thở không ra lời:

– Bầm... quan lớn... Đê vỡ rồi !

Quan lớn đỏ mặt, tía tai quay ra, quát rằng :

– Đê vỡ rồi !... Đê vỡ rồi, thời ông cách cổ chúng mày, thời ông bỏ tù chúng mày ! Có biết không ?... Lính đâu ? Sao bay dám để cho nó chạy xông xộc vào đây như vậy ? Không còn phép tắc gì nữa à ?

– Dạ, bầm...

– Đuổi cổ nó ra !

Ngài quay vào, hỏi thầy đề :

– Thầy bốc quân gì thế ?

– Dạ, bầm con chưa bốc.

– Thì bốc đi chứ !

Thầy để tay run cầm cập, thò vào đĩa nọc, rút một con bài lật ngửa, xướng rằng:

– Chi chỉ !

Quan lớn vỗ tay xuống sập kêu to :

– Đây rồi ! ... Thế chứ lại !

Rồi ngài vội vàng xoè bài, miệng vừa cười vừa nói :

– Ủ 1 Thông tôm, chi chi nấy !... Điều may !

...Ấy, trong khi quan lớn ù ván bài to như thế thì khắp mọi nơi, miền đó, nước tràn lênh láng, xoáy thành vực sâu, nhà cửa trôi băng, lúa má ngập hết kẻ sống không chỗ ở, kẻ chết không nơi chôn,

lênh đèn nháy mặt nước, chiếc bóng bơ vơ,
tình cảnh thâm sâu, kể sao cho xiết.

(Trích báo Nam Phong)

CÂU CHUYỆN THƯƠNG TÂM

Hôm ấy trời mưa mà lại rét. Mưa rào vừa tạnh ; đường đá củ đậu củ khoai trôi ra chổn nhổn.

Tôi đứng cửa trông, thấy có một người gầy gò yếu đuối khảng kheo, có công cùng sức kéo miết cái xe tay, mà không sao đi nhích được. Xe chồng chất hai bồ nghe chùng đã nặng; lại còn một mụ vắt vẻo ngự ở trong xe. Người kéo đà chẳng nổi, mà mụ thì mĩa mai nặng lời xỉ vả. Cho đến nỗi rằng người ta phải đặt

xe xuống, thở dài mà thưa :

– Chịu, không sao kéo được. Xin bà bằng lòng vậy ; bà thuê xe khác.

Miệng nói thế, tay bỏ nón ra, chùi trán mồ hôi tẩm tã. Khi bấy giờ tôi mới nhìn ra thì là ông lão đầu râu tóc bạc... Tôi động lòng, tôi bèn chạy đến, cầm lấy tay mà hỏi :

– Chú con cháu cụ ở đâu, mà để cụ già nua tuổi tác, yếu đuối thế này mà phải đi kéo xe vất vả ?

Ông lão nhìn tôi. Anh ơi, ông lão nhìn tôi, hai con mắt ông, trông mở mở, hình như ruột nhãn, nước chảy chứa chan, mà chung quanh vành thi đỏ hừng.

Ông lão nhìn tôi, ra ý ngập ngừng, thì tôi lại hỏi :

– Cụ ở đâu, con cháu cụ làm gì, sao cụ lại đi kéo xe ? Tôi trông thấy cảm tình, cho nên mới hỏi; xin cụ nói cho tôi nghe.

Ông lão nói rằng :

– Thưa cậu, tôi ở tỉnh Sơn. Tôi có mỗi một thằng con trai. Năm ngoái trời làm lụt lội, đê điều vỡ lở, chẳng may con tôi chết đuối. Nó để lại một lũ con thơ. Bây giờ nhà nghèo khổ, trẻ nhỏ ốm đau, sài ghẻ ; vợ nó phải ở nhà trông nom để tôi xuống Hà-nội kéo xe thuê mướn, kiếm mỗi ngày lấy răm ba xu, một hào, mà nuôi nấng đàn cháu mồ côi, cậu ạ. Tôi ngoại sáu mươi tuổi rồi, cho nên cũng yếu. Phải đường đá đau chân, mà xe lại nặng, kéo không sao nổi...

Miệng ông lão nói, hai mắt mờ mờ, vẫn cứ nhìn tôi. Tôi thương, ứa hai hàng nước mắt ra anh ạ..

Trời ơi ! sao mà lại có cái khổ cực
đường này, hử ông trời xanh cao ngất ?...

Bực mình
(Đông dương tạp chí số 55)

MỘT CÁI BI KỊCH TRONG GIA ĐÌNH

Năm ấy là năm 189... Tôi hãy còn nhớ rõ như ngày hôm qua. Bấy giờ cha tôi làm thông phán ở tòa sứ tỉnh... Quyền thế lẫy lừng, ai cũng sợ nể. Cha mẹ tôi chỉ sinh được có một mình tôi thôi. Tính cha tôi thì nóng nảy, dữ tợn và nghiêm khắc lắm. Mẹ tôi, người hiền lành thùy mị, nhưng mà gan góc, lỳ lỳ cả ngày chẳng nói một câu.

Tôi yêu mẹ tôi lắm. Còn cha tôi, thì tôi sợ hãi một niềm, không mấy khi dám đàn tặn mặt.

Năm ấy tôi lên mười bốn tuổi. Đang độ vẻ vang sung sướng, hớn hờ tươi cười như thể cánh hoa non. Tưởng cuộc đời là nhất, không còn gì vui thú cho bằng.

Cuối tháng năm, gặp kỳ nghỉ hè, tôi về chơi với cha mẹ tôi. Bỗng một đêm, xảy ra sự ghê gớm, làm cho tôi suốt đời không lúc nào quên được. Đêm hôm ấy, trời mưa rầu rĩ, gió thổi hắt hiu, cảnh vật tự hồ như xui nhau mà làm cho cái bi kịch càng thêm thê thảm. Tôi vừa mới thiu thiu chợp ngủ, thốt nhiên nghe thấy ở phòng bên cạnh là nơi cha mẹ tôi nằm, có tiếng âm âm như thể hai người cãi nhau. Tôi bên vùng quăng giở dậy, sẽ bước xuống đất, rón rén lại gần nghe, thì

quả nhiên thấy tiếng cha tôi quát tháo rằng :

– Tao đã nói tao cần đến tiền, thì mày phải đưa mấy cái văn tự ấy cho tao. Nhược bằng mày cứ khăng khăng một mực không đưa, thì đừng có trách tao là người bội bạc nhé.

Mẹ tôi khăng khái đáp lại rằng :

– Văn tự ấy, có phải của thầy đầu, mà thầy đòi tôi, chứ. Chẳng qua là của riêng cha mẹ tôi để lại cho tôi, thì bây giờ tôi lại giữ lấy cho thằng con tôi, để ngày sau nó khỏi liếm lá đầu chợ. Chứ chắc gì vào thầy nữa bây giờ. Cơ nghiệp thầy đã phá tan nát cả rồi. Nay tôi còn chút vốn riêng, để về sau mẹ con tôi nuôi nhau, thầy lại toan lột hết, đem cho đi nốt hay sao? Khi nào tôi có chịu ! Thầy muốn làm gì thì làm. Tùy ý.

Tôi nghe thấy nói làm vậy, tưởng chừng sét đánh lưng trời. Trong người tôi còn đương bàng hoàng như mê chưa tỉnh, phải nghe tiếng “huỳnh huyịch” ở phòng bên. Tôi vội vàng mở hé cửa dòm sang, thì thấy cha tôi một tay bóp cổ mẹ tôi ấn xuống giường còn một tay thì đấm, tát, tối tăm cả mặt mũi lại.

Đầu tóc mẹ tôi rũ rượi, hai tay mẹ tôi giơ để đỡ đòn, nhưng mà không lại. Còn cha tôi thì như người điên cuồng, cứ hăm hờ bạ đâu đánh đấy. Mẹ tôi ngã lăn từ trên giường xuống đất ; mà không kêu, không khóc, chỉ thấy hai tay bưng lấy mặt, nằm im...

Hôm sau, mẹ tôi băng huyết, thụ bệnh, trằm chần nằm ở trên giường. Khi tôi vào thăm, chỉ ôm lấy đầu tôi mà nức

nở khóc, chẳng nói được câu gì. Còn cha tôi, thì cứ như thường, không nói năng gì đến chuyện đó cả.

Cách mấy ngày thì mẹ tôi chết, nghe đâu như có mang được hai ba tháng... Rồi sau hết hè tôi lại về trường học...

Thôi anh ạ, từ đó tôi chán hết mọi sự ở đời. Biết rằng toàn là đảo điên điên đảo cả. Tôi đã một lần trông thấy cảnh thảm đường ấy, thì thôi, tâm thần đổi hết, từ đấy không hề ham muốn, ước ao cái gì, hoặc yêu thương quý báu ai nữa sốt. Lúc nào cũng sức nhớ, tưởng tượng như còn trông thấy ở trước mắt cái bi kịch : mẹ tôi nằm lặn dưới đất, mà cha tôi thì tay đấm, chân đá, chẳng thương sót cái người yếu đuối, đã đem thân bờ liễu nương gửi ở dưới bóng cây tùng... Trời đất ơi, cay

nghiệt quá !... Mẹ ơi, con thương mẹ, con
nhớ mẹ vô cùng !...

PHẠM DUY TỐN

Nước đời lắm nỗi....
(Nam-phong tạp chí,
số 23, Mai 1919)

Văn số 170 & 171

Giai phẩm Xuân Tân Hợi
quy tụ khoảng
ba chục tác giả thời danh

